

KẾ HOẠCH

Phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai 5 năm 2026-2030

(Kèm theo Quyết định số 2333/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2021-2025

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021-2025

Tỉnh Lào Cai nằm giữa vùng Đông Bắc và Tây Bắc Việt Nam. Tiếp giáp với tỉnh Lai Châu, Phú Thọ, Tuyên Quang, Sơn La (Việt Nam) và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) với trên 182 km đường biên giới; diện tích 13.256,92 km². Tỉnh Lào Cai có 99 xã, phường (trong đó có 10 phường, 89 xã), dân số với 1.778.785 người (2025), trong đó dân tộc thiểu số chiếm 61,1%.

Giai đoạn 2021-2025, bối cảnh thế giới và khu vực có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường, chưa từng có tiền lệ. Thuận lợi, thời cơ và khó khăn, thách thức đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn; nhiều vấn đề mới xuất hiện liên tục, phạm vi, mức độ tác động ngày càng sâu, rộng, vượt ngoài khả năng dự báo, tạo áp lực rất lớn lên công tác chỉ đạo, điều hành để hoàn thành các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hằng năm.

Ở trong nước, dưới tác động của tình hình thế giới và hậu quả của đại dịch COVID-19, thiên tai, bão lũ, sạt lở diễn ra với tần suất nhanh, cường độ mạnh¹... kinh tế, xã hội nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn, rất gay gắt, nặng nề. Hầu hết các ngành, lĩnh vực đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng; vừa phải tập trung giải quyết những vấn đề phức tạp mới phát sinh, vừa phải xử lý các yếu kém tồn đọng, tích tụ từ nhiều năm trước để lại.

Đối với tỉnh Lào Cai triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 với nhiều thuận lợi: Đảng và Nhà nước tiếp tục có nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; việc sáp nhập tỉnh Lào Cai và Yên Bái thành tỉnh Lào Cai được thực hiện khẩn trương, hiệu quả tạo động lực và không gian mới cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

¹ Con bão số 3 (năm 2024) là cơn bão lớn nhất trong vòng 30 năm qua, gây thiệt hại hơn 80 nghìn tỷ đồng; cơn bão số 10, số 11 (năm 2025) gây thiệt hại nặng nề về người, tài sản, cơ sở hạ tầng tại các địa phương khu vực.

Bên cạnh những thuận lợi nói trên, việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 nền kinh tế của tỉnh vẫn phải đối mặt với không ít rủi ro, biến động phức tạp, khó lường như: Sản xuất công nghiệp gặp nhiều khó khăn do thiếu nguyên liệu, chi phí đầu vào đang ở mức cao...; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh tiềm ẩn phát sinh, diễn biến phức tạp; vốn đầu tư xây dựng cơ bản chưa đáp ứng được nhu cầu; khó khăn do hạ tầng chưa đồng bộ nhất là kết nối đường cao tốc với các trung tâm công nghiệp, thương mại, du lịch của tỉnh...

Nhận định được tầm quan trọng đó, tỉnh đã tập trung thực hiện các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, quyết liệt trong chỉ đạo, điều hành với quyết tâm phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở mức cao nhất; 5 năm qua, kinh tế của tỉnh duy trì được tốc độ tăng trưởng khá cao, các vấn đề xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, an ninh quốc phòng được bảo đảm; các chỉ tiêu chủ yếu đều đạt và vượt so với kế hoạch (KH) đề ra.

II. NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG 5 NĂM 2021-2025

Sau 5 năm triển khai thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh², cơ bản các chỉ tiêu đều đạt tiến độ đề ra. Kết quả thực hiện cụ thể như sau:

1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế đạt được kết quả khá tích cực. Ước tính tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt khoảng 6,92%/năm³, thấp hơn 0,41 điểm phần trăm so với giai đoạn 2016-2020, cao hơn 0,62 điểm phần trăm so với bình quân chung toàn quốc (6,3%/năm). GRDP bình quân đầu người tăng nhanh từ 55,1 triệu đồng năm 2020 lên khoảng 85 triệu đồng vào năm 2025⁴. Quy mô kinh tế hết năm 2025 ước đạt trên 142.599 tỷ đồng gấp 1,63 lần năm 2020. Thu nhập bình quân đầu người đạt 47 triệu đồng, tăng 17,3 triệu đồng so với năm 2020.

Chất lượng tăng trưởng có chuyển biến tích cực, được nâng lên một bước. Tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản giảm từ 19,0% năm 2020 xuống còn 16% năm 2025; tỷ trọng khu vực công nghiệp, xây dựng tăng từ 34,9% năm 2020 lên 37,3% năm 2025; tỷ trọng khu vực dịch vụ tăng từ 38,3% năm 2020 lên 39,1% năm 2025.

2. Phát triển các ngành kinh tế

2.1. Nông nghiệp:

Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản duy trì mức tăng trưởng khá. Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 4,76%/năm. Cơ cấu tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trong GRDP chuyển dịch giảm dần theo định hướng đề ra: năm 2020 là 19,0% đến năm 2025 giảm xuống còn 16%.

² Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI tỉnh Lào Cai và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX tỉnh Yên Bái.

³ Tốc độ tăng trưởng GRDP tỉnh Lào Cai đạt 6,4%/năm, Yên Bái đạt 7,69%/năm

⁴ GRDP bình quân đầu người Lào Cai đạt 100,5 triệu đồng, Yên Bái đạt 62 triệu đồng.

Sản xuất trồng trọt có nhiều chuyển biến tích cực. Giá trị sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp, đạt 89,6 triệu đồng/ha/năm, tăng 14,8 triệu đồng so với năm 2020. Sản xuất đảm bảo an ninh lương thực; bước đầu hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, mang lại hiệu quả kinh tế cao như: Vùng chè đạt trên 15.500 ha, dược liệu 6.555 ha, dâu tằm 1.535 ha, cây ăn quả 25.745 ha, quế 144.000 ha, chuối hàng hóa 2.865 ha... Đã chuyển đổi 11.260 ha diện tích cây trồng kém hiệu quả sang các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất.

Chăn nuôi từng bước phát triển theo hướng hiện đại, mở rộng mô hình trang trại, cơ sở sản xuất tập trung theo chuỗi; đầu tư chuồng trại và áp dụng các tiến bộ mới về cơ giới hóa, tự động hóa; năng suất, chất lượng và kiểm soát dịch bệnh đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm, công tác tiêm phòng vắc xin phòng bệnh đạt trên 80% tổng đàn hàng năm.

Phát triển thủy sản theo hướng mở rộng quy mô, đa dạng hóa hình thức nuôi trồng. Khuyến khích phát triển một số sản phẩm đặc thù, đặc sản có lợi thế như cá nước lạnh ở Sa Pa, Bát Xát, Văn Bàn, Bắc Hà, Mù Cang Chải, Yên Bình, Lục Yên, Trấn Yên, Văn Yên, Trạm Tấu; ba ba gai ở Văn Bàn, Văn Chấn,... Quản lý, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản hồ Thác Bà và các hồ chứa lớn.

Bảo vệ, nâng cao chất lượng rừng, đặc biệt là rừng tự nhiên, rừng phòng hộ, rừng cảnh quan gắn với khai thác có hiệu quả giá trị kinh tế của tài nguyên rừng. Hết năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng ước đạt 61,5%, tăng 1,8 điểm phần trăm so với năm 2020, thuộc nhóm 05 tỉnh cao nhất toàn quốc.

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tiếp tục nhận được sự quan tâm, vào cuộc của cả hệ thống chính trị; tạo được sự đồng thuận lớn trong nhân dân, đời sống của người dân nông thôn được cải thiện rõ rệt. Xây dựng nông thôn mới gắn với sắp xếp dân cư nông thôn, trong đó phát triển kinh tế nông nghiệp, nâng cao thu nhập cho người dân (trung bình đạt 38,5 triệu đồng/người/năm).

2.2. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp:

Sản xuất công nghiệp chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỷ trọng chế biến, chế tạo giảm tỷ trọng ngành khai thác; cơ cấu nội ngành chuyển dịch tích cực, tỷ trọng công nghiệp chế biến tăng từ 73,34% lên 76,6%, công nghiệp khai thác giảm từ 7,38% xuống còn 5,5%,... Tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7,29%/năm. Đến hết năm 2025 giá trị sản xuất công nghiệp đạt trên 75.000 tỷ đồng, tăng 49,8% so với năm 2020.

Hiện nay, tỉnh có 07 KCN⁵ đang hoạt động với tổng diện tích quy hoạch 2.143,89 ha (06 khu công nghiệp đã và đang được đầu tư đường giao thông, điện, nước; 01 Khu công nghiệp đang thực hiện san mặt bằng (Khu công nghiệp Trấn Yên)) và 22 CCN với tổng diện tích 860,78 ha;... Hoạt động đầu tư xây dựng và

⁵ KCN Tăng Loảng (1.100 ha), KCN Đông Phố Mới (100 ha), KCN Bắc Duyên Hải (85 ha), KCN phía Nam (400 ha), KCN Minh Quân (195,89 ha); KCN Âu Lâu (120 ha) và KCN Trấn Yên (339 ha).

sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quản lý và dần đi vào ổn định (07 khu công nghiệp đi vào hoạt động với tỷ lệ lấp đầy trên 77%, 21 cụm công nghiệp với tỷ lệ lấp đầy trên 60%).

2.3. Dịch vụ:

a) Khu Kinh tế cửa khẩu được mở rộng, từng bước hoàn thiện kết cấu hạ tầng, dịch vụ tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa chính ngạch

Hoạt động xuất, nhập khẩu gặp nhiều khó khăn, nhiều thời điểm bị gián đoạn, có khi ngừng thông quan trong thời gian dài, phía Trung Quốc triển khai các biện pháp phòng chống dịch COVID-19. Tỉnh đã tích cực hỗ trợ, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp, có những giải pháp sáng tạo và tăng cường hợp tác với các tỉnh, thành trong cả nước và các tỉnh Tây Nam của Trung Quốc, đặc biệt là với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc nhằm đẩy mạnh hoạt động xuất, nhập khẩu (XNK). Lào Cai tiếp tục là cửa khẩu xuất nhập khẩu hàng hoá quan trọng giữa Việt Nam và các tỉnh Tây Nam Trung Quốc. Tổng giá trị xuất, nhập khẩu hàng hóa qua địa bàn tỉnh năm 2025 đạt 4 tỷ USD.

b) Du lịch phát triển nhanh, từng bước trở thành ngành kinh tế “mũi nhọn”, nổi bật với khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà, Mù Cang Chải, hồ Thác Bà và thành phố Lào Cai (cũ)

Trong giai đoạn 2021-2025, tỉnh Lào Cai đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, bền vững, gắn với bảo tồn giá trị văn hóa và khai thác hiệu quả tiềm năng tự nhiên, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh. Công tác quy hoạch, xây dựng chính sách, chiến lược phát triển, các khu du lịch trọng điểm như thị xã Sa Pa (cũ), thị xã Nghĩa Lộ (cũ), huyện Bắc Hà (cũ), Bát Xát, Mù Cang Chải, Trạm Tấu, khu vực Bảo Hà - Tân An, thành phố Lào Cai (cũ) được đặc biệt chú trọng. Khu du lịch Quốc gia Sa Pa được quy hoạch đồng bộ với xây dựng thị xã Sa Pa đạt tiêu chí đô thị loại III; khu vực Y Tý, huyện Bát Xát (cũ), khu du lịch hồ Thác Bà, huyện Yên Bình (cũ) được quy hoạch, từng bước đầu tư theo hướng trở thành khu du lịch mới của tỉnh. Kết cấu hạ tầng dịch vụ du lịch có bước phát triển mới, nhiều công trình du lịch được xây dựng đồng bộ đã góp phần làm đẹp cảnh quan, tạo dựng diện mạo hiện đại, chuyên nghiệp cho điểm đến du lịch của Lào Cai. Thu hút lượng khách du lịch ngày càng lớn đến với Lào Cai.

c) Thương mại nội địa phát triển ổn định vững chắc, hàng hóa lưu thông thông suốt với chất lượng ngày càng được nâng cao, giá cả ổn định, thương mại dịch vụ đã phục hồi mạnh mẽ sau dịch bệnh, tiếp tục là một trụ cột của kinh tế tỉnh Lào Cai, hàng hóa đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất của các doanh nghiệp và tiêu dùng của nhân dân, không có hiện tượng tăng giá đột biến ở tất cả các mặt hàng tiêu dùng, lượng hàng cung ứng nên hàng hoá trên thị trường tỉnh Lào Cai. Tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ xã hội năm 2025 đạt 85 nghìn tỷ đồng, gấp 1,89 lần năm 2020, vượt mục tiêu Nghị quyết (Nghị quyết là 80 nghìn tỷ đồng). Lào Cai chú trọng phát triển thương mại điện tử, đẩy mạnh việc thanh toán

không sử dụng tiền mặt⁶, hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá, đưa sản phẩm, hàng hóa lên các sàn thương mại điện tử; hạ tầng thanh toán được củng cố và phát triển mạnh⁷.

d) Một số ngành dịch vụ khác tiếp tục phát triển, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và các ngành, lĩnh vực kinh tế “mũi nhọn”

Vận tải hàng hóa, hành khách cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất trong nước và quốc tế, chất lượng phương tiện được nâng cao, tinh thần phục vụ hành khách và người dân đi lại, tham quan du lịch được cải thiện đáng kể... nhiều dịch vụ văn minh lịch sự, an toàn, thuận lợi, được các cấp chính quyền và Nhân dân ghi nhận; ứng dụng khoa học công nghệ, áp dụng phần mềm trong công tác quản lý phương tiện, quản lý lái xe và điều hành của doanh nghiệp; di chuyển, sắp xếp lại các bến xe, mở mới một số tuyến xe buýt trong nội thành thành phố Lào Cai (cũ) và từ thành phố Lào Cai (cũ) đi thị xã Sa Pa, Bản Vược (Bát Xát).

Hạ tầng bưu chính, viễn thông tiếp tục phát triển mạnh mẽ, rộng khắp trên địa bàn tỉnh, cung cấp dịch vụ giá cả cạnh tranh, chất lượng, đa dạng; phổ cập dịch vụ bưu chính, viễn thông công ích tới các khu vực khó khăn, vùng sâu vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; 100% trung tâm các xã, trên 95% thôn bản trong tỉnh được phủ sóng di động. Hạ tầng mạng truyền dẫn cáp quang kết nối và cung cấp dịch vụ đến 18/18 trung tâm cấp huyện (cũ). Mật độ thuê bao Internet băng rộng duy trì ổn định.

2.4. Huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển

Huy động, tăng nhanh nguồn vốn đầu tư thông qua việc sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ngân sách là “vốn môi” để khai thác tối đa các nguồn vốn tín dụng và vốn của các thành phần kinh tế, qua đó tạo nguồn lực lớn cho đầu tư phát triển KTXH trên địa bàn tỉnh; đồng thời sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho các ngành, lĩnh vực trọng tâm, trọng điểm mang tính đột phá, góp phần tăng trưởng kinh tế luôn duy trì ở mức cao (khoảng 10%/năm); bảo đảm các mục tiêu an sinh xã hội, đưa tỉnh Lào Cai là điểm sáng về phát triển kinh tế của Vùng. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh đạt trên 360 nghìn tỷ đồng, gấp 2,2 lần so với giai đoạn 2016-2020 (đạt 100% mục tiêu ĐH). Trong đó tỷ trọng vốn nhà nước chiếm khoảng 13,5%, vốn ngoài nhà nước 64,8%.

2.5. Hoạt động tài chính, tín dụng

Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng cao; cơ chế tài chính công được đổi mới, tăng quyền tự chủ cho cơ sở, đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ công.

⁶ 100% hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện ích, cơ sở kinh doanh dịch vụ đã áp dụng, triển khai các giải pháp thanh toán không sử dụng tiền mặt. Hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh đã triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt thông qua thẻ Flexicard, mã QR Code hoặc Banking bằng thiết bị di động; Hệ thống siêu thị Go! Vinmart, Mediamart, Điện máy xanh, Thế giới di động đã chuyển đổi số trong khâu bán hàng, quản lý kho hàng, chăm sóc khách hàng nhờ áp dụng các phần mềm bán hàng chuyên dụng, cập nhật thông tin, lưu thông tin, địa chỉ khách hàng, tích điểm và thanh toán online thông qua hệ thống ngân hàng. Các hộ kinh doanh cá thể đã chủ động đầu tư, triển khai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt trong giao dịch mua bán hàng hoá.

⁷ Thông qua các cổng thanh toán trực tuyến, hệ thống các ngân hàng, ví điện tử, giao hàng thu tiền hộ, thanh toán thông qua dịch vụ viễn thông Mobile money.

Thu ngân sách nhà nước và tín dụng tiếp tục tăng nhanh. Tỉnh đã chỉ đạo đẩy mạnh rà soát, đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, ngân sách hàng năm để có giải pháp quản lý tốt tài chính - ngân sách, đẩy mạnh các giải pháp tăng nguồn thu từ đất, xuất nhập khẩu, du lịch, đặc biệt thu từ khu vực ngoài quốc doanh,... Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2025 đạt 21.000 tỷ đồng, vượt cao so với dự toán Trung ương giao, gấp 1,64 lần so với năm 2020, đáp ứng 52% chi ngân sách.

Chi ngân sách nhà nước được cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên. Tăng cường phân cấp quản lý tài chính, đầu tư. Cơ cấu lại ngân sách theo hướng tiết kiệm, hiệu quả; chi đầu tư phát triển chiếm khoảng 30%; bảo đảm nguồn thực hiện các dự án đầu tư quan trọng cấp bách, các nhiệm vụ chi cho con người và các nhiệm vụ cấp thiết khác.

Hoạt động tín dụng bám sát mục tiêu, nhiệm vụ chính trị, đáp ứng nhu cầu về vốn cho các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thị trường tiền tệ ổn định, các chi nhánh ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân luôn duy trì thực hiện và bảo đảm tốt khả năng chi trả, đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn tín dụng phục vụ phát triển sản xuất, kinh doanh của các thành phần kinh tế và nhu cầu vay vốn của các hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách xã hội. Tổng nguồn vốn tiếp tục tăng, hết năm 2025, ước đạt trên 139.000 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn huy động tại địa bàn ước đạt 100.000 tỷ đồng với tốc độ tăng trưởng nguồn vốn các năm từ 10-15%, đáp ứng được khoảng 80% nhu cầu vốn tín dụng trên địa bàn. Dư nợ tín dụng đạt trên 125.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng tín dụng hàng năm từ 10-14%. Tỷ lệ nợ xấu ở mức an toàn dưới 3%.

2.6. Phát triển các thành phần kinh tế

Các thành phần kinh tế được quan tâm phát triển, bình đẳng trong sản xuất kinh doanh, khuyến khích khởi nghiệp, sáng tạo. Kinh tế nhà nước tiếp tục đẩy mạnh việc sắp xếp DNNN, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025⁸. Tính đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn toàn tỉnh có 1.394 HTX, 9.617 tổ hợp tác với 76.000 thành viên.

Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động ổn định. Hiện nay tỉnh Lào Cai có 67 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài được cấp Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đang triển khai hoạt động, với tổng vốn đăng ký đầu tư đạt 1,086 tỷ USD, tương đương khoảng 27.167 tỷ đồng.

Khu vực kinh tế tư nhân có bước phát triển cả về số lượng, quy mô và chất lượng, từng bước khẳng định vai trò là động lực phát triển kinh tế - xã hội.

⁸ (1) Duy trì Công ty TNHH một thành viên giai đoạn 2022-2025: Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh Lào Cai, Công ty TNHH một thành viên Xổ số kiến thiết tỉnh Yên Bái (Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ); (2) Giữ nguyên vốn phần vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025: Công ty Cổ phần Cấp nước tỉnh Lào Cai (Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến năm 2025 là 92,09%); Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai (Tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến năm 2025 là 51%), Công ty cổ phần Cấp nước và Xây dựng Yên Bái (tỷ lệ vốn nhà nước nắm giữ đến năm 2025 là 97,3%); (3) Riêng đối với Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bảo Yên, Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Văn Bản, Công ty TNHH một thành viên Nghĩa Văn, Công ty TNHH một thành viên Đại Lợi và Công ty TNHH một thành viên Tân Phú thực hiện theo các quy định khác của Trung ương

Tỉnh đã tích cực, chủ động phổ biến, triển khai thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân; tăng cường thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ pháp lý về khởi nghiệp, đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân nhận thức được hiệu quả và lợi ích trong việc thành lập, phát triển doanh nghiệp nhằm phát huy thế mạnh và tiềm năng sẵn có của người dân trên địa bàn tỉnh. Hết năm 2025, tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được cấp giấy chứng nhận đăng ký đạt khoảng 12.500 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký khoảng 143.000 tỷ đồng; cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho 1.200 đơn vị trực thuộc.

2.7. Phát triển kết cấu hạ tầng, đô thị

Quy hoạch tỉnh, ngành, lĩnh vực được thực hiện đầy đủ, tạo cơ sở để huy động nguồn lực đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng. Trong 5 năm, thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch xây dựng nông thôn mới; quy hoạch chung Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1958/QĐ-TTg ngày 10/9/2025; phối hợp với Cục Đường sắt Việt Nam hoàn thành quy hoạch tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng đoạn qua địa bàn tỉnh; Quy hoạch chi tiết khu sản xuất công nghiệp Thống Nhất, phường Lào Cai và Bản Qua, xã Bát Xát; Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Võ Lao, xã Văn Bàn; Điều chỉnh Quy hoạch phân khu xây dựng Khu công nghiệp Tăng Loỏng, xã Tăng Loỏng; Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung các đô thị Bắc Hà, Bát Xát, Phố Lu, Bảo Nhai;..

Hạ tầng đô thị được quan tâm đầu tư, tại các đô thị Tăng Loỏng, Sa Pa, Bắc Hà, Phố Lu và Bảo Hà, Nghĩa Lộ; nhiều dự án trọng điểm hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng, góp phần mở rộng, phát triển không gian đô thị, bố trí dân cư, đồng thời tạo lợi thế để thu hút đầu tư các dự án sản xuất công nghiệp, xây dựng khu đô thị mới, trung tâm thương mại, dịch vụ... Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh hết năm 2025 ước đạt 31,5%, tăng 8,4% so với năm 2020, đạt mục tiêu đại hội. Các định hướng phát triển đô thị được thực hiện theo Kế hoạch. Hết năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 26 đô thị⁹.

3. Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân

3.1. Giáo dục - Đào tạo, Khoa học - Công nghệ

Chất lượng giáo dục toàn diện có nhiều chuyển biến tốt, chất lượng giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, giáo dục đại trà và giáo dục mũi nhọn được nâng lên rõ rệt; số học sinh đoạt giải học sinh giỏi cấp quốc gia hàng năm đều tăng; công tác phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở tiếp tục được duy trì và nâng cao mức độ đạt chuẩn ở 319 xã, phường, thị trấn (số liệu đến 30/6/2025, đạt mục tiêu đại hội). Quy mô mạng lưới trường lớp

⁹ 02 đô thị loại II; 05 đô thị loại IV và 19 đô thị loại V.

tiếp tục được rà soát, sắp xếp, quy hoạch đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân¹⁰; hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú ngày càng hoàn thiện, trở thành hệ thống trụ cột của giáo dục vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; cơ sở vật chất trường lớp được ưu tiên đầu tư; tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 86%, cơ bản không còn phòng học tạm; toàn tỉnh có 75,1% trường học đạt chuẩn quốc gia (vượt mục tiêu đại hội); công tác quản lý giáo dục có nhiều đổi mới; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên hằng năm được bổ sung về số lượng và nâng cao chất lượng cơ bản đáp ứng được yêu cầu đổi mới, có 95,07% giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ đào tạo, tỷ lệ đảng viên đạt 69,29%; công tác giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh đều đạt và vượt kế hoạch giao; công tác xóa mù chữ, tỷ lệ người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 60 tuổi tiếp tục được nâng lên (mức độ 1 là 98%, mức độ 2 là 95%); giáo dục vùng đặc biệt khó khăn của tỉnh Lào Cai nằm trong tốp đầu cả nước.

Công tác giải quyết việc làm mới được quan tâm nhằm thực hiện tốt mục tiêu giảm nghèo, nâng cao thu nhập, chất lượng cuộc sống cho người dân. Công tác đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động từng bước bảo đảm thích ứng với điều kiện sản xuất; tăng cường liên doanh, liên kết đào tạo theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp¹¹,...

Khoa học - công nghệ được chú trọng ứng dụng, tạo nguồn lực trong phát triển của tỉnh. Trong giai đoạn 2021-2025, đã tập trung đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật gắn với yêu cầu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đã hướng dẫn đề xuất, phê duyệt triển khai thực hiện khoảng 200 nhiệm vụ khoa học và công nghệ; trong đó chủ yếu là lĩnh vực khoa học nông nghiệp. Hỗ trợ bảo hộ 69 nhãn hiệu mang địa danh cho các sản phẩm đặc hữu của tỉnh. Hình thành 2 cơ sở ươm tạo công nghệ, đánh giá trình độ và năng lực công nghệ cho 30 doanh nghiệp, xây dựng lộ trình đổi mới công nghệ cho 04 doanh nghiệp,... Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ khoa học và công nghệ vào các lĩnh vực sản xuất và đời sống, xúc tiến kêu gọi đầu tư khởi nghiệp phát triển công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số,

¹⁰Toàn tỉnh sau sáp nhập có 1.047 cơ sở giáo dục, gồm: Giáo dục mầm non: toàn tỉnh có 370 trường (343 trường CL, 27 trường NCL); với tổng số 4.306 nhóm, lớp; 109.253 trẻ ra lớp. Giáo dục tiểu học: toàn tỉnh 221 trường tiểu học độc lập và 181 trường TH&THCS; với 6.045 lớp, 168.932 học sinh. Giáo dục trung học cơ sở: toàn tỉnh có 363 trường có cấp THCS, chia ra: 181 trường TH&THCS, 182 trường THCS; với tổng số 3.520 lớp, 130.518 học sinh. Giáo dục trung học phổ thông: 68 trường (66 trường CL, 02 trường NCL), chia ra 14 trường THCS-THPT, 52 trường THPT, 02 trường TH-THCS-THPT; với tổng số 1.188 lớp, 49.955 học sinh. Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên: 24 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục thường xuyên. Giáo dục Đại học, Giáo dục chuyên nghiệp: toàn tỉnh hiện có 03 cơ sở giáo dục chuyên nghiệp, đại học, gồm 01 phân hiệu trường Đại học Thái Nguyên và 02 trường Cao đẳng (Cao đẳng nghề Yên Bái và Cao đẳng Lào Cai). Với quy mô 15.315 nhóm, lớp, 469.158 trẻ/học sinh/học viên. Chất lượng giáo dục toàn diện được chú trọng nâng cao rõ rệt. Đến nay toàn tỉnh có 765 trường mầm non, phổ thông được công nhận đạt chuẩn quốc gia, chiếm 75,1% số trường; trong đó, số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là 147 trường, chiếm 14,4% tổng số trường.

¹¹ Tổng công ty khoáng sản Vinacomin, Công ty CP Vàng Lào Cai, Công ty TNHH dịch vụ du lịch cáp treo Phansipan Sa Pa, Công ty CP Đồng Tả Phời, Công ty Khoáng sản Luyện Kim Việt Trung, Công ty DAP, Công ty CP Phân lân nung chảy Lào Cai, Tập đoàn Than khoáng sản Việt Nam, Công ty CP Thực phẩm Á Châu; chuỗi các nhà hàng, khách sạn, hệ thống dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

công nghiệp 4.0; đưa công nghệ thông tin vào mọi lĩnh vực xã hội như: Y tế, giáo dục, giao thông, môi trường,...

3.2. Y tế

Hệ thống cơ sở hạ tầng y tế toàn tỉnh được quan tâm đầu tư đồng bộ, nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân. Hiện tại toàn tỉnh có 15 cơ sở y tế tuyến tỉnh, 17 cơ sở y tế tuyến khu vực, 216 trạm y tế xã, 05 bệnh viện tư nhân, 513 phòng khám đa khoa, chuyên khoa và khác. Cơ sở vật chất được đầu tư và từng bước hoàn thiện; 100% các cơ sở y tế công lập đều đã được xây kiên cố, hiện đại, hiện trạng hoạt động tốt. Bệnh viện đa khoa tỉnh số 1 (Yên Bái), Bệnh viện đa khoa tỉnh số 2 (Lào Cai) được thiết kế hiện đại phục vụ cho khám chữa bệnh chất lượng cao.

Công tác phòng, chống dịch bệnh được triển khai chủ động, tích cực, hiệu quả; không chế thành công, hạn chế những tác động của đại dịch COVID-19 đến sự phát triển kinh tế xã hội và đời sống nhân dân. Chất lượng công tác khám chữa bệnh ngày càng được nâng cao, triển khai nhiều dịch vụ kỹ thuật hiện đại, thực hiện tốt chương trình hợp tác với các bệnh viện tuyến Trung ương để chuyển giao kỹ thuật. Mạng lưới y tế phát triển từ tỉnh đến thôn bản; cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường đầu tư. Bảo vệ, chăm sóc trẻ em đạt nhiều kết quả, tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt: 22,7%; tỷ lệ trẻ dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt: 12,8%. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên còn 1,2%/năm giai đoạn 2021-2025. Toàn tỉnh có 90 xã, phường, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, đạt 90,9 %; có 12,8 bác sỹ/vạn dân, 42,7 giường bệnh/vạn dân (cao hơn bình quân chung cả nước).

3.3. Văn hóa, thể thao

Hệ giá trị văn hóa và chuẩn mực con người “thân thiện, nhân ái, đoàn kết, sáng tạo, hội nhập” được tập trung xây dựng và từng bước hình thành, được thể hiện rõ nét qua tinh thần đùm bọc, yêu thương, sẻ chia, giúp đỡ lẫn nhau của nhân dân các dân tộc trên địa bàn cùng vượt qua thiên tai, dịch bệnh, thi đua quyết tâm giảm nghèo, xóa nhà tạm, nhà dột nát. Các hoạt động giao lưu, hợp tác về văn hoá, nghệ thuật và thể thao được tăng cường. Tỷ lệ hộ gia đình văn hóa đạt 85,5%, đạt mục tiêu ĐH. Tỷ lệ thôn, bản, tổ dân phố đạt văn hóa 77,5%, đạt mục tiêu. Chỉ số hạnh phúc của người dân đạt 68,3%.

Thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả. Đầu tư, xã hội hóa đầu tư để hoàn thiện, quản lý, khai thác và sử dụng hiệu quả các thiết chế. Đã có 100% huyện thị xã, thành phố (*trước khi kết thúc chính quyền địa phương cấp huyện*) có Trung tâm Văn hóa, thể thao và truyền thông; trên 75% huyện, thành phố, thị xã có thư viện; 50% huyện có nhà tập luyện thể dục thể thao; 50% huyện có sân vận động.

Tiếp tục quan tâm bảo tồn và phát huy giá trị các di sản¹², văn hóa vật thể, phi vật thể gắn với phát triển du lịch gia tăng giá trị và sức cạnh tranh nền kinh tế của tỉnh. Hoạt động thể dục - thể thao quần chúng phát triển với nhiều loại hình đa dạng, phong phú, góp phần nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân. Lào Cai được lựa chọn là nơi tổ chức một số sự kiện văn hóa, thể thao lớn, có sự kiện mang tầm quốc tế¹³.

3.4. Thông tin - Truyền thông

Hạ tầng số, hạ tầng viễn thông có bước phát triển đột phá, phủ sóng di động đến 100% trung tâm các xã, 99,6% đến trung tâm thôn, tổ dân phố. 96,4% thôn, tổ dân phố, 67% hộ gia đình có hạ tầng cáp quang phục vụ truy cập Internet. Phát sóng mạng di động thế hệ mới 5G tại trên 60 điểm. Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng của cơ quan Đảng, Nhà nước từ tỉnh đến xã. Trung tâm dữ liệu của tỉnh tiếp tục được phát triển phục vụ lưu trữ, quản lý hệ thống thông tin dùng chung, quan trọng. Nâng cao tiện ích dịch vụ công trực tuyến hỗ trợ giảm thiểu thời gian xử lý thủ tục hành chính. An toàn thông tin được nâng cao, 100% cơ quan trong hệ thống chính trị được giám sát an toàn thông tin, kết nối với hệ thống giám sát quốc gia. Nhân lực số có cải thiện, trên 85% công chức đáp ứng chuẩn kỹ năng CNTT cơ bản; từng bước phát triển xã hội số. Kinh tế số chiếm 7% GRDP.

3.5. Giảm nghèo và thực hiện các chính sách xã hội

Công tác giảm nghèo luôn được xác định là nhiệm vụ chính trị trọng yếu, được ưu tiên đầu tư, thực hiện đồng bộ. Giai đoạn 2021-2025 đã ban hành và thực hiện các đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, giảm nghèo bền vững. Triển khai đồng bộ các chương trình, giải pháp giảm nghèo, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững, ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn; giảm khoảng cách chênh lệch về đời sống giữa các vùng, các dân tộc. Tỷ lệ giảm hộ nghèo đa chiều bình quân hằng năm khoảng 4%/năm vượt mục tiêu đại hội (MTĐH là 3,65%/năm); tỷ lệ hộ nghèo còn 5,71%.

Công tác giải quyết việc làm gắn với xóa đói giảm nghèo và thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội đạt hiệu quả thiết thực. Chất lượng nguồn nhân lực được cải thiện đã đóng góp quan trọng trong việc nâng cao năng suất, tạo việc làm, giảm nghèo, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của địa phương theo hướng hiệu quả, bền vững. Hết năm 2025, tỷ lệ lao động có việc làm sau đào tạo nghề đạt trên 80%, trong đó những nghề trọng điểm đạt trên 90%; Tỷ lệ lao động qua đào tạo tăng từ 60,45% năm 2020 lên trên 70% năm 2025, trong đó tỷ lệ có văn bằng, chứng chỉ đạt trên 25,3%; Tỷ lệ lao động trong khu vực nông nghiệp khoảng 50,1%, đạt mục tiêu ĐH; Tỷ lệ thất nghiệp dưới 2,09%, đạt mục tiêu ĐH.

¹² Xếp hạng 29 di tích, toàn tỉnh có 207 di tích (trong đó có 01 di tích quốc gia đặc biệt, 34 di tích quốc gia, 172 di tích cấp tỉnh)

¹³ Là địa phương được lựa chọn tổ chức Cuộc thi “Hoa khôi Du lịch Tây Bắc 2023”; đăng cai tổ chức giải Bóng chuyền nữ quốc tế VTV Cup 2023.

Chính sách xã hội được bảo đảm, nâng cao phúc lợi, giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, ưu đãi đối với người có công; chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế. Đến năm 2025, tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội chiếm 23,60%, trong đó lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện chiếm 6,5%, lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp chiếm 14,83%; tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 96% dân số. Các chính sách dân tộc phát huy hiệu quả.

4. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Quản lý tài nguyên, đất đai được tăng cường: Công tác lập quy hoạch sử dụng đất đến 2025, kế hoạch sử dụng đất hàng năm được triển khai thực hiện bảo đảm quy định. Quỹ đất công được rà soát, thống kê đầy đủ, quản lý chặt chẽ. Tiềm năng đất đai được khai thác sử dụng khá hiệu quả, chủ động, tạo nguồn lực xây dựng hạ tầng đô thị, nông thôn, dự án và đóng góp quan trọng cho đầu tư phát triển của tỉnh. Quản lý quy hoạch; cấp phép thăm dò thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản được thực hiện đúng quy định pháp luật đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn và nguồn nguyên vật liệu xây dựng phục vụ cho các dự án đầu tư xây dựng, dân sinh trên địa bàn. Hoàn thành việc rà soát quy hoạch khoáng sản, kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác; thực hiện đấu giá quyền khai thác khoáng sản đảm bảo theo quy định.

Bảo vệ môi trường đạt kết quả bước đầu. Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định về bảo vệ môi trường được tăng cường, nhất là ở các khu công nghiệp, đô thị. Cơ bản xử lý hiệu quả các cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Tỷ lệ thu gom rác thải tại các đô thị đạt 95,3%; Tỷ lệ lượng chất thải rắn sinh hoạt tại khu dân cư nông thôn tập trung được thu gom, xử lý đạt 75,5%; Tỷ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý 100%.

Ứng phó với biến đổi khí hậu được quan tâm, hạn chế thiệt hại do thiên tai, nguy cơ hạn hán, sạt lở, lũ lụt: Thực hiện hiệu quả công tác cảnh báo thiên tai, chủ động phòng chống thiên tai, sắp xếp dân cư ra khỏi vùng nguy hiểm. Diện tích rừng, tỷ lệ che phủ tăng; đa dạng sinh học, khả năng phòng hộ môi trường, sinh thủy được cải thiện; chủ động chuyển đổi cây trồng hạn chế nguy cơ hoang mạc hóa. Các loài động vật, thực vật, giống cây trồng có giá trị được bảo vệ, bảo tồn.

5. Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh và công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế

Quốc phòng được tăng cường, củng cố vững chắc

Thực hiện tốt đường lối quân sự, quốc phòng của Đảng, Nhà nước; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, cơ sở ngày càng vững chắc; khu kinh tế quốc phòng hoạt động hiệu quả; các công trình quốc phòng được quan tâm đầu tư; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, kết hợp chặt chẽ xây dựng thế trận quốc phòng

toàn dân với thể trận an ninh nhân dân. Xây dựng lực lượng vũ trang tinh theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Làm tốt công tác quản lý biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị. Xử lý tốt các tình huống an ninh phi truyền thống.

An ninh quốc gia được tăng cường; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm

Đẩy mạnh thực hiện Phong trào “Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, tiếp tục xây dựng và phát huy hiệu quả “thể trận lòng dân”. Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt xuất sắc trong thực hiện phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc đạt trên 80%, bằng 100% mục tiêu đại hội. Xây dựng, triển khai có hiệu quả các đề án, phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn. Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ; an ninh biên giới, ngăn chặn tình trạng xuất, nhập cảnh trái phép; giải quyết kịp thời các vụ việc phức tạp ngay từ cơ sở.

Chủ động phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả, kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội và các vi phạm pháp luật. Đấu tranh có hiệu quả, kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, tai nạn, tệ nạn xã hội; tỷ lệ điều tra, phá án đạt trên 75%, trong đó án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng trên 85%. Tỷ lệ giải quyết các vụ án đạt trên 90%, bằng 100% mục tiêu đại hội; tỷ lệ giảm tai nạn giao thông cả 02 tiêu chí: giảm 23,7% số vụ, giảm 35,3 người bị thương, tăng 1,34% số người chết;...

Mở rộng đối ngoại, chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế

Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển, đa dạng hóa, đa phương hóa quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế của Đảng và Nhà nước, trong những năm qua, tỉnh Lào Cai luôn chú trọng củng cố và phát triển hợp tác hữu nghị với các địa phương, tổ chức nước ngoài; tiếp tục làm sâu sắc và thực hiện có hiệu quả các thỏa thuận hợp tác với các tỉnh, thành phố, các cam kết với các đối tác trong và ngoài nước.

Triển khai thực hiện đồng bộ và kết hợp hài hòa giữa hoạt động Đối ngoại Đảng - Ngoại giao chính quyền - Đối ngoại nhân dân. Tổ chức đón nhiều đoàn công tác của các tổ chức quốc tế; các đoàn đi thăm, làm việc tại các nước. Tích cực, chủ động triển khai các hoạt động hợp tác với các tỉnh, thành phố trên tuyến Hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Nhóm công tác liên hợp 4 tỉnh biên giới (Lào Cai, Hà Giang, Lai Châu, Điện Biên - Việt Nam) với tỉnh Vân Nam, Trung Quốc, đã góp phần xây dựng biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

6. Thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện khá nghiêm túc, các văn bản được ban hành đảm bảo trình tự, thủ tục theo quy định.

Cải cách tư pháp tiếp tục được đẩy mạnh, triển khai thực hiện đồng bộ, ngày càng đi vào chiều sâu và có chuyển biến mạnh mẽ. Các cơ quan tư pháp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, tích cực phối hợp tham mưu cho cấp ủy,

chính quyền giải quyết tốt các vụ việc nổi cộm, phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương. Chất lượng công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp chuyển biến tích cực, các hoạt động hỗ trợ tư pháp được chú trọng. Chất lượng điều tra, truy tố, xét xử các vụ án hình sự, nhất là các vụ án kinh tế, tham nhũng được nâng cao. Các vụ án được giải quyết bảo đảm tinh thần thượng tôn pháp luật, xử lý nghiêm minh, không để kéo dài, không bỏ lọt tội phạm, không để oan, sai. Công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, truy tố, xét xử các vụ việc, vụ án về tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh.

Công tác cải cách hành chính được thực hiện đồng bộ, toàn diện, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị:

Bám sát chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và tỉnh Lào Cai; triển khai các công việc khẩn trương, nghiêm túc, trách nhiệm trên tinh thần "*vừa chạy vừa xếp hàng*" nhưng thận trọng, chắc chắn, bài bản, không nóng vội, chủ quan; có thứ tự ưu tiên, làm việc nào chắc việc đó, làm việc này phải tính đến việc khác liên quan, và thực hiện đúng các quy trình thủ tục theo quy định, không làm tắt, làm ẩu, làm qua loa đại khái bất cứ công việc nào. Rà soát bố trí, sắp xếp trụ sở làm việc bảo đảm ổn định cho các cơ quan, đơn vị, cán bộ công chức, viên chức, bố trí, sắp xếp, xử lý tài sản phù hợp với tính chất, tận dụng tối đa công năng sử dụng phục vụ trước mắt cũng như lâu dài; ưu tiên bố trí tài sản các đơn vị hành chính cấp cơ sở mới, đồng thời rà soát chuyển đổi công năng sử dụng bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ, trọng tâm là trụ sở, cơ sở hoạt động sự nghiệp¹⁴; tổ chức thực hiện bộ máy chính quyền 02 cấp¹⁵, các đơn vị hành chính mới đã đồng loạt đi vào hoạt động ngay bảo đảm thông suốt không để đứt gãy, gián đoạn trước, trong và sau sáp nhập.

III. ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

1. Kết quả đạt được

Kinh tế duy trì được đà tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản có bước phát triển quan trọng, đáp ứng mục tiêu bảo đảm an ninh lương thực, kết hợp với đẩy mạnh sản xuất hàng hóa các sản phẩm nông nghiệp chủ lực theo chuỗi giá trị; diện mạo nông thôn có thay đổi rõ nét. Sản xuất công nghiệp phục hồi và phát triển. Hoạt động thương mại, dịch vụ tăng trưởng khá, từng bước khai thác, phát huy được tiềm năng và lợi thế của tỉnh. Kinh tế - xã hội vùng đặc biệt khó khăn có bước phát triển tích cực, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng lên; công tác giảm nghèo bền vững được đẩy mạnh, tỷ lệ hộ nghèo giảm đáng kể; nhiều xã vùng cao được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới hoặc nông thôn mới nâng cao. Chương trình chăm sóc sức khỏe, y tế và giáo dục tiếp tục mở rộng: các bệnh viện, trường học được đầu tư

¹⁴ Tổng số trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (cơ sở) thuộc phạm vi quản lý: 2.164 cơ sở (trong đó Lào Cai: 1.105 cơ sở; Yên Bái: 1.059 cơ sở).

¹⁵ Sau sáp nhập tỉnh Lào Cai còn 99 đơn vị hành chính cấp xã, giảm từ 319 xuống còn 99 đơn vị hành chính cấp xã, giảm 220 đơn vị, đạt tỷ lệ 68,9%. Đồng thời giảm 01 đơn vị hành chính cấp tỉnh trực thuộc Trung ương; giảm 10/23 đầu mối tổ chức Hội do Đảng và nhà nước giao nhiệm vụ; giảm 182/338 phòng, ban tương đương thuộc khối sở, ban, ngành.

nâng cấp; tỷ lệ huy động trẻ em đến trường, học sinh tốt nghiệp THPT tăng lên. Các chính sách về dân tộc, tôn giáo được thực hiện khá đầy đủ, đời sống văn hóa tinh thần của đồng bào được nâng cao (các lễ hội, hoạt động văn hóa quần chúng, thể thao được tổ chức quy mô). Trật tự xã hội ổn định, các chương trình an sinh xã hội (trợ cấp, xã hội) bảo đảm kịp thời cho người yếu thế.

Các lĩnh vực văn hóa, thông tin truyền thông, chuyển đổi số, giáo dục, y tế, đời sống người có công với cách mạng, người nghèo không ngừng được nâng lên, người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em và các đối tượng yếu thế khác được chăm lo chu đáo qua đó góp phần bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao đời sống Nhân dân.

Quốc phòng, an ninh được củng cố, chú trọng kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng, an ninh, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp thế trận an ninh Nhân dân, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện ngày càng vững chắc. Quan hệ đối ngoại được mở rộng, hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại Nhân dân được kết hợp hài hòa, tạo môi trường thuận lợi để Lào Cai phát triển.

Cải cách hành chính được triển khai toàn diện, hiệu quả trong cả hệ thống chính trị. Sắp xếp, sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, sáp nhập các thôn, bản, tổ dân phố đúng tiêu chí đảm bảo tiến độ. Sắp xếp các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tinh giản biên chế đạt kết quả nổi bật.

2. Tồn tại, hạn chế

- Sau 5 năm triển khai thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh¹⁶, cơ bản các chỉ tiêu đều đạt tiến độ đề ra. Trong tổng số các chỉ tiêu, ước thực hiện đến nay có một số chỉ tiêu không hoàn thành mục tiêu Đại hội gồm: (1) Tốc độ tăng trưởng GRDP, (2) GRDP bình quân đầu người, (3) cơ cấu GRDP, (4) giá trị sản xuất công nghiệp, (5) giá trị xuất nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn, (6) tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế; (7) tỷ lệ che phủ rừng.

- Do ảnh hưởng to lớn của dịch COVID-19, tác động của kinh tế thế giới, chiến tranh Nga - Ukraine kéo dài, xung đột leo thang tại Trung Đông, cuộc chiến thuế quan do Mỹ phát động và diễn biến phức tạp của bão lũ gây ảnh hưởng đến quá trình sản xuất, tiêu thụ sản phẩm; đã làm phát sinh thêm chi phí cho các hoạt động sản xuất kinh doanh dẫn đến tăng giá thành, giảm sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Số lượng và chất lượng các doanh nghiệp của tỉnh còn chưa tương xứng với tiềm năng, thế mạnh của địa phương, chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, siêu nhỏ, sự kết nối giữa các doanh nghiệp để tỉnh có vai trò là trung tâm kết nối vùng còn hạn chế; thiếu các doanh nghiệp có quy mô, tiềm lực để chủ đạo, tiên phong trong đổi mới, sáng tạo.

¹⁶ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI tỉnh Lào Cai và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XIX tỉnh Yên Bái.

- Hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh gặp khó khăn, phụ thuộc phần lớn vào cơ chế, chính sách thương mại phía Trung Quốc.

- Chất lượng giáo dục và đào tạo không đồng đều, còn có sự chênh lệch giữa vùng thấp và vùng cao, giữa thành thị và nông thôn; đội ngũ giáo viên còn thiếu so với yêu cầu nhiệm vụ đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế. Nền tảng số, dữ liệu số chưa đồng bộ; kinh tế số, xã hội số phát triển còn chậm; an toàn thông tin, an ninh mạng còn nhiều thách thức.

- Nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu công nhân lành nghề, chuyên gia, cán bộ quản lý giỏi; doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là quy mô nhỏ, năng lực cạnh tranh còn thấp.

- Trong lĩnh vực công nghiệp, còn tình trạng thiếu nguyên liệu quặng apatit cho các nhà máy sản xuất phân bón, hóa chất nên các nhà máy cơ bản sản xuất không hết công suất. Một số dự án lớn: VTM, DAP, Apatit... nguồn nguyên vật liệu xây dựng (đá, cát) còn thiếu; mới giải quyết được vấn đề tạm thời, trước mắt. Một số dự án triển khai chậm tiến độ đề ra như: Dự án Dược liệu Vitamec, 02 dự án thủy điện (*Móng Sến, Nậm Cang A*); 02 dự án khai thác và tuyển graphit Nậm Thi và graphit Bảo Hà. Công tác giải phóng mặt bằng, thủ tục đất đai các dự án thủy điện, khai thác khoáng sản (*Đồng, Apatit...*) gặp nhiều khó khăn. Quy hoạch phát triển khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu mặt bằng đất công nghiệp để thu hút đầu tư dự án mới.

- Kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông đối ngoại, hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu du lịch, hạ tầng chuyên đổi số... chưa được đầu tư đồng bộ, hiện đại nên chưa khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Các hạ tầng giao thông lớn mang tính liên kết vùng, liên kết tỉnh và liên kết qua biên giới như: Cảng hàng không Sa Pa; tuyến đường sắt khổ tiêu chuẩn kết nối ga Lào Cai (Việt Nam) với ga Hà Khẩu Bắc (Trung Quốc); hoàn chỉnh đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai đoạn Yên Bái - Lào Cai với quy mô 04 làn xe... chưa hoàn thành đầu tư xây dựng. Cùng với đó, hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh thường xuyên bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai như mưa đá, lũ quét, sạt lở đất, đặc biệt là cơn bão số 3 năm 2024 đã gây ra những thiệt hại rất lớn, việc sửa chữa, khôi phục cần nhiều thời gian và có kinh phí lớn, ảnh hưởng đến các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn đến năm 2025 và giai đoạn tiếp theo.

- Nguồn vốn ngân sách trung ương đầu tư cho phát triển giao thông còn hạn chế, đặc biệt là đường sắt, đường thủy, đường bộ cao tốc. Trong khi đó việc thu hút đầu tư từ nguồn vốn ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh cũng rất khó khăn.

- Sản xuất nông nghiệp hàng hóa bước đầu đã có kết quả tích cực, song các vùng sản xuất quy mô còn nhỏ, sản lượng chưa nhiều; ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong các khâu sản xuất chưa đồng bộ, chưa gắn kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến, thị trường tiêu thụ nên giá trị gia tăng thấp. Chăn nuôi gia súc, gia cầm quy mô nhỏ, phân tán còn chiếm tỷ lệ cao; điều kiện cơ sở vật chất, trình độ kỹ thuật chăn nuôi của nông hộ còn nhiều hạn chế, đặc biệt kiến

thức phòng chống dịch bệnh. Phát triển kinh tế đồi rừng chưa tương xứng với tiềm năng; việc đầu tư thâm canh còn hạn chế nên năng suất gỗ rừng trồng chưa cao, diện tích rừng có chứng nhận, chứng chỉ còn thấp. Công tác xúc tiến đầu tư còn hạn chế, chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư xây dựng nhà máy chế biến sâu nông sản để nâng cao giá trị. Thị trường tiêu thụ chưa ổn định, một số sản phẩm phụ thuộc rất lớn vào thị trường Trung Quốc (chế biến nông, lâm sản...).

- Một số điểm nghẽn chưa được giải quyết như sự thiếu đồng bộ giữa các loại quy hoạch (quy hoạch chung, quy hoạch chi tiết,...); tiến độ tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu; tiến độ mở rộng, nâng cấp các đô thị còn chậm; công tác giải phóng mặt bằng khó khăn, còn phát sinh nhiều vướng mắc khi áp dụng chính sách, pháp luật, đặc biệt là những quy định pháp luật về đất đai, khoáng sản,... làm chậm tiến độ đầu tư các dự án trọng điểm của tỉnh.

- Về nâng cao chất lượng đô thị: Chưa đáp ứng được yêu cầu, vẫn còn tình trạng ngập úng trong các đô thị; hệ thống thu gom xử lý nước thải đô thị chưa được đầu tư đồng bộ; Hạ tầng các bãi xử lý rác thải sinh hoạt hợp vệ sinh chưa đáp ứng được yêu cầu, tại các đô thị chưa bố trí đủ ga tập kết rác thải theo quy định; Không gian công cộng chưa được quan tâm đầu tư theo quy hoạch.

- Thiên tai tiếp tục diễn biến phức tạp, dông lốc, mưa đá, nắng nóng và hạn hán và đặc biệt là cơn bão số 3 năm 2024, cơn bão số 10 năm 2025 vừa xảy ra đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống sinh hoạt của nhân dân trên địa bàn, đặc biệt là khu vực vùng cao; đồng thời gây thiệt hại nặng nề về người và tài sản, ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình đến sản xuất, kinh doanh của các lĩnh vực kinh tế trọng điểm của tỉnh như: Công nghiệp, dịch vụ, nông lâm nghiệp và xoá đói giảm nghèo.

3. Nguyên nhân

- *Nguyên nhân khách quan:* Những tác động khó lường của đại dịch COVID-19, cuộc khủng hoảng tài chính, bất ổn chính trị trên thế giới, suy giảm kinh tế toàn cầu và những tác động cực đoan của biến đổi khí hậu đã gây ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế - xã hội của cả nước, cũng như của tỉnh. Nền kinh tế của tỉnh vẫn đang trong quá trình phục hồi sau đại dịch COVID-19; năng lực nội tại, khả năng chống chịu, thích ứng với các tác động bên ngoài còn hạn chế, trong đó năng lực, sức chống chịu của doanh nghiệp trong các lĩnh vực chủ lực như công nghiệp chế biến chế tạo, xuất khẩu, xây dựng... sau thời gian dài của dịch COVID-19 đã đến mức tới hạn.

- *Nguyên nhân chủ quan:* Trình độ nhận thức chưa đồng đều; một bộ phận người dân vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào các chính sách hỗ trợ của Nhà nước, chưa thật sự chủ động, tích cực trong lao động, sản xuất, phát triển kinh tế. Một số phong tục, tập quán lạc hậu chưa được xóa bỏ triệt để, ảnh hưởng đến việc tiếp thu và áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Một số cơ chế, chính sách về khuyến khích ưu đãi đầu tư chưa đủ mạnh, chưa hấp dẫn mang tính đột phá nhằm thu hút nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng và lĩnh vực sản xuất nông, lâm nghiệp... Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương cho địa phương thực hiện các nhiệm vụ đề ra còn hạn chế, còn quá

thấp so với yêu cầu thực tế, trong khi điều kiện nguồn lực địa phương còn nhiều khó khăn. Một số cơ chế, chính sách của Nhà nước còn bất cập, chưa đồng bộ, nên trong quá trình triển khai thực hiện còn gặp nhiều khó khăn,...

IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Tập trung mạnh vào việc phân cấp, phân quyền cho cơ sở, với mục tiêu tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người dân và doanh nghiệp. Tập trung triển khai các nội dung phân cấp, đổi mới toàn diện trên tất cả các lĩnh vực, nhằm giải phóng nguồn lực, khơi nguồn sáng tạo.

2. Xác định các mục tiêu cao, có tính thách thức nhằm tạo động lực và áp lực tích cực trong tổ chức thực hiện; thường xuyên rà soát, cập nhật, xây dựng các kịch bản phát triển linh hoạt, phù hợp với tình hình thực tế; chỉ đạo các cấp, các ngành chủ động xây dựng kế hoạch chi tiết, cụ thể, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

3. Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát các nhiệm vụ, công việc đã giao cho các cơ quan, đơn vị nhằm có các giải pháp để kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Lựa chọn các nhiệm vụ có trọng tâm, trọng điểm, làm việc nào dứt việc đó để tập trung nguồn lực thực hiện.

5. Trong thực hiện nhiệm vụ thì luôn đặt quan điểm kết hợp chặt chẽ giữa xây dựng và củng cố hệ thống chính trị với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, bảo vệ môi trường; mở rộng quan hệ, hợp tác với các địa phương trong và ngoài nước trên tất cả các lĩnh vực; xây dựng biên giới hữu nghị, hợp tác và phát triển.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 5 NĂM 2026 - 2030

I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Bối cảnh thế giới, khu vực

Tình hình thế giới, khu vực, theo xu hướng đa cực, đa trung tâm, đa tầng nấc. Hòa bình, hợp tác, phát triển vẫn là xu thế lớn, song đứng trước thách thức nhiều chiều và nghiêm trọng nhất kể từ sau Chiến tranh lạnh. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các trung tâm quyền lực sẽ diễn ra ngày càng gay gắt, phức tạp, mở rộng về phạm vi và gia tăng về cường độ. Xung đột cục bộ diễn ra trên phạm vi rộng hơn với nhiều hình thái và phương thức mới. Trọng tâm của kinh tế toàn cầu tiếp tục dịch chuyển về châu Á. Kinh tế thế giới không loại trừ kịch bản tăng trưởng chậm kéo dài do các thách thức mang tính cơ cấu, cạnh tranh xung đột giữa các quốc gia gay gắt hơn, cuộc chiến thuế quan diễn ra ngày càng nghiêm trọng. Xu hướng khu vực hóa và phân mảnh kinh tế, bảo hộ thương mại tiếp tục gia tăng, nhất là trong các lĩnh vực kinh tế, công nghệ chiến lược. Các nước tiếp tục tái cơ cấu mô hình tăng trưởng theo hướng ưu tiên chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển bền vững, đổi mới sáng tạo và tăng trưởng bao trùm; đẩy mạnh các chính sách tự chủ chiến lược, bảo đảm an ninh kinh tế. Các liên kết kinh tế nhiều bên và song phương tiếp tục được thúc đẩy, đa dạng và đan xen, định hình các tiêu chuẩn mới, trong khi liên kết kinh tế ở phạm vi toàn cầu gặp nhiều khó khăn. Biến động địa chính trị toàn cầu gia tăng đang làm thúc đẩy xu hướng dịch chuyển sản xuất, tái cơ cấu chuỗi cung ứng. Trong bối cảnh chi phí ở Trung Quốc ngày càng gia tăng, cạnh tranh chiến lược Mỹ - Trung Quốc gay gắt, dòng vốn đầu tư tiếp tục xu hướng dịch chuyển ra khỏi Trung Quốc chuyển đến các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á và Nam Á trong những năm tới. Đây là cơ hội cho Việt Nam nói chung và Lào Cai nói riêng trong việc thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Sự phát triển bùng nổ của các công nghệ mới, trong đó có trí tuệ nhân tạo và các đột phá trong công nghệ năng lượng mới, tác động đến mọi mặt của đời sống xã hội. Sự biến đổi sâu sắc của cơ cấu xã hội, dân số và lao động quốc tế ngày càng làm thay đổi cơ bản phân công lao động quốc tế.

2. Bối cảnh trong nước

Trong nước, chính trị - xã hội, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín đất nước ngày càng được tăng cường. Phân cấp phân quyền và bố trí lại không gian phát triển của đất nước diễn ra mạnh mẽ; hệ thống thể chế, pháp luật ngày càng hoàn thiện, môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện. Đất nước ta vào nhóm nước công nghiệp mới nổi, có mức thu nhập trung bình cao. Quy mô, sức cạnh tranh của nền kinh tế không ngừng được nâng lên. Nhiều dự án quan trọng, quy mô lớn được hoàn thành và đưa vào vận hành, có tác động lan tỏa lớn. Khu vực tư nhân tiếp tục là động lực quan trọng cho tăng trưởng

và phát triển. Chính phủ quyết tâm triển khai xây dựng và vận hành tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và các tuyến đường sắt tốc độ cao kết nối với Trung Quốc trước năm 2030. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường được quan tâm và có sự chuyển biến tích cực, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, triển khai hiệu quả một số hiệp định thương mại tự do thế hệ mới quan trọng. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại được củng cố, tăng cường. Đảng, Chính phủ và cả hệ thống chính trị đã quyết liệt thực hiện các khâu đột phá chiến lược về thể chế, hạ tầng, nhân lực; đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xác định phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 với mục tiêu tăng trưởng giai đoạn 2026 - 2030 đạt hai con số liên tục trong các năm.

3. Tình hình của tỉnh

Tỉnh Lào Cai bước vào ổn định sau khi thực hiện chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính, để bước vào một thời kỳ phát triển mới với không gian địa lý rộng mở hơn, nền tảng kinh tế xã hội vững chắc hơn, tầm nhìn chiến lược sâu rộng hơn và kết nối tốt hơn, tiềm năng lớn hơn, tiếp cận các nguồn lực tốt hơn, cơ hội nhiều hơn cho đầu tư, kinh doanh, hợp tác phát triển. Sau 40 năm thực hiện đường lối đổi mới khá toàn diện trên mọi lĩnh vực; vị trí, vai trò của Lào Cai trong khu vực Tây Bắc và trên hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng được khẳng định; kinh tế cửa khẩu tăng trưởng đột phá; nhiều dự án trọng điểm về công nghiệp, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng giao thông, đô thị, các dự án chế biến sâu khoáng sản, cơ sở dịch vụ hiện đại tiếp tục được đầu tư; khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà, thành phố Lào Cai, Mù Cang Chải... ngày càng hấp dẫn thu hút khách du lịch trong và ngoài nước. Đảng và Nhà nước tiếp tục có những chủ trương, chính sách ưu tiên, tập trung phát triển khu vực vùng cao, biên giới, đặc biệt là chương trình xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững. Tuy nhiên, Lào Cai còn nhiều khó khăn, quy mô nền kinh tế nhỏ, năng suất lao động và sức cạnh tranh thấp, hạ tầng chưa đồng bộ, thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu; nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; đời sống của một bộ phận nhân dân ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới còn khó khăn. Việc sắp xếp lại bộ máy cần thời gian ổn định và phát huy hiệu quả; bên cạnh đó chênh lệch phát triển giữa các khu vực đặt ra yêu cầu điều phối nguồn lực hợp lý và bảo đảm dịch vụ công đồng đều. Bối cảnh đó đòi hỏi toàn Đảng bộ phát huy trí tuệ, năng động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, biến khó khăn thành động lực, thách thức thành cơ hội, khai thác hiệu quả động lực tăng trưởng mới, tạo bước đột phá xây dựng tỉnh Lào Cai phát triển, vững tin cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên giàu mạnh và thịnh vượng của dân tộc.

Tình hình dự báo trên tạo ra cả thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, đòi hỏi toàn Đảng bộ phát huy trí tuệ, trách nhiệm, năng động, sáng tạo, tranh thủ thời cơ, khai thác thuận lợi, khắc phục khó khăn lãnh đạo thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của tỉnh giai đoạn 2026 - 2030.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

1. Quan điểm phát triển

(1) Bám sát thực tiễn, vận dụng linh hoạt, sáng tạo đường lối, chủ trương, định hướng của Đảng, nhất là các quyết sách lớn, chiến lược của Trung ương phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương; xây dựng và hoàn thiện thể chế, khai thác hiệu quả động lực tăng trưởng mới; khơi thông, giải phóng sức sản xuất, nguồn lực của các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân tạo đột phá xây dựng Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc theo hướng “xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc” gắn với mục tiêu “Giữ biên giới, giữ dân, giữ rừng, giữ nước, giữ môi trường”.

(2) Luôn đặt sự phát triển của tỉnh trong sự phát triển chung của Vùng, của cả nước, làm tốt vai trò là cầu nối quốc tế. Phối hợp với các tỉnh khai thác tối đa hiệu quả tuyến hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng. Tập trung phát triển trục động lực sông Hồng kết nối với Vùng Thủ đô và các tỉnh lân cận, trên cơ sở gắn kết hạ tầng, đô thị, công nghiệp, văn hóa, du lịch; coi đây là không gian phát triển chiến lược, góp phần hiện thực hóa khát vọng “kỳ tích sông Hồng” tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của Vùng và cả nước.

(3) Lấy con người là trung tâm, là động lực, là mục tiêu phát triển. Thu hút, trọng dụng nhân tài, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự lực, tự cường, tinh thần đoàn kết, khát vọng cống hiến; phát huy sức mạnh văn hóa, con người Lào Cai thành nguồn lực nội sinh và động lực phát triển. Chăm lo cho khu vực đồng bào dân tộc, biên giới, không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chỉ số hạnh phúc của người dân trên các trụ cột: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin, việc làm và thu nhập.

(4) Tăng cường quốc phòng, an ninh; củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với “thế trận lòng dân” vững chắc; xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển.

2. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế, không gian phát triển mới, đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để thúc đẩy tăng trưởng nhanh, bền vững và toàn diện trên tất cả các trụ cột chính kinh tế, xã hội, môi trường; xây dựng xã hội thông minh, lành mạnh, kỷ cương, an toàn, thiết thực nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và chỉ số hạnh phúc của Nhân dân; đảm bảo vững chắc quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh đối ngoại và hợp tác quốc tế; vận hành có hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp bảo đảm thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Tạo bước đột phá để đến năm 2030 xây dựng tỉnh Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc theo hướng “Xanh, hài hòa, bản sắc, hạnh phúc” gắn với mục tiêu “Giữ biên giới, giữ dân, giữ rừng, giữ nước, giữ môi trường”.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Gồm 25 chỉ tiêu chính trên các lĩnh vực: Kinh tế 13 chỉ tiêu; xã hội 07 chỉ tiêu; môi trường 05 chỉ tiêu. Đây là các chỉ tiêu gắn với chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

a) Về kinh tế

(1) Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) theo giá hiện hành đến năm 2030 trên 240 nghìn tỷ đồng; cơ cấu tổng sản phẩm trên địa bàn: Nông, lâm nghiệp, thủy sản 12,4%; Công nghiệp - Xây dựng 43,5%; Dịch vụ 37,5%; Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 6,6%.

(2) Phân đầu đạt tốc độ tăng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân cho giai đoạn 2026-2030 từ 10%/năm trở lên.

(3) Đến năm 2030 GRDP bình quân đầu người đạt trên 136 triệu đồng, thu nhập bình quân đầu người đạt trên 70 triệu đồng.

(4) Phân đầu đến năm 2030 tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt khoảng 20%.

(5) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đến năm 2030 đạt trên 32 nghìn tỷ đồng.

(6) Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn 5 năm đạt trên 500 nghìn tỷ đồng.

(7) Tỷ lệ đô thị hoá đến năm 2030 đạt trên 38%.

(8) Đến năm 2030, số khách du lịch đến địa bàn đạt 15 triệu lượt người, doanh thu du lịch đạt 70 nghìn tỷ đồng.

(9) Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng bình quân trên 12%/năm.

(10) Đến năm 2030, tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua địa bàn đạt 10 tỷ USD.

(11) Phân đầu đến năm 2030 toàn tỉnh có trên 18 nghìn doanh nghiệp, trong đó tỷ lệ doanh nghiệp hoạt động hiệu quả đạt trên 60%; tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế ngoài nhà nước trong GRDP đạt trên 72%.

(12) Tốc độ tăng năng suất lao động tăng bình quân trên 6,5%/năm.

(13) Số lượng nhà ở xã hội xây mới đến hết năm 2030 đạt được 8.300 căn hộ.

b) Về xã hội

(14) Đến năm 2030 tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh đạt khoảng 75,5 tuổi, trong đó số năm sống khoẻ mạnh phân đầu đạt 68 năm.

(15) Chỉ số hạnh phúc của người dân đến năm 2030 đạt 72%.

(16) Đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó tỷ lệ lao động đã đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%. Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống còn dưới 42%.

(17) Đến năm 2030 tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế so với dân số đạt 100%; số bác sỹ trên một vạn dân đạt 15,5 bác sỹ, trong đó đến năm 2027 có tối thiểu 5 bác sỹ/trạm y tế; số giường bệnh trên một vạn dân đạt 45 giường bệnh.

(18) Đến năm 2030 tỷ lệ trường học các cấp đạt chuẩn quốc gia đạt 85%; số người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương đạt 85%; 100% xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục mẫu giáo cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.

(19) Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030) duy trì mức giảm 2,5-3 điểm %/năm; riêng năm 2026 giảm 1,5 điểm% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025).

(20) Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn đến năm 2030 đạt 50%.

c) Về môi trường

(21) Tỷ lệ che phủ rừng duy trì mức 60%.

(22) Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đạt 95%; Tỷ lệ chất thải y tế được thu gom, xử lý đạt 100%.

(23) Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%;

(24) Tỷ lệ khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường đạt 100%.

(25) Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt 98%.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN

1. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; tập trung vào 4 trụ cột nền kinh tế bảo đảm phát triển nhanh, xanh và bền vững

- Tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại các ngành kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm mục tiêu tăng trưởng bình quân “hai con số” giai đoạn 2026-2030. Duy trì, làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, tập trung khai thác hiệu quả các động lực tăng trưởng mới; trong đó chú trọng đến đột phá về khoa học công nghệ, chuyển đổi số; tăng cường chế biến sâu khoáng sản, các sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực; xây dựng khu thương mại tự do, khu hợp tác qua biên giới, hoàn thành cửa khẩu thông minh để gia tăng kim ngạch xuất nhập khẩu; phát triển du lịch dịch vụ, nhất là du lịch qua biên giới; phát triển kinh tế đồi rừng, xây dựng thị trường mua bán tín chỉ carbon, năng lượng tái tạo,... Tăng cường hợp tác vùng, thu hút đầu tư, huy động hiệu quả các nguồn lực trong và ngoài nước, nhằm khai thác hiệu quả các tiềm năng, lợi thế của tỉnh

- *Cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng đổi mới tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp; xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp đồng bộ, hiện đại*

Chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng tăng tỷ trọng lâm nghiệp, chăn nuôi và dược liệu; đẩy mạnh chuyển đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp. *Phát triển ngành chăn nuôi* theo hướng hình thành các vùng chăn nuôi hàng hóa tập trung (lợn, đại gia súc, gia cầm) theo phương thức công nghiệp, bán công nghiệp gắn với các trung tâm, cơ sở giết mổ,

chế biến, tiêu thụ bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường. *Phát triển thủy sản* tập trung, thâm canh, bán thâm canh các loại thủy sản đặc sản, có giá trị cao (cá hồi, cá tầm, cá lăng, ba ba...) gắn với chế biến sâu. *Phát triển lâm nghiệp đa mục tiêu*, nâng cao chất lượng, hiệu quả rừng trồng gỗ lớn, phát triển dược liệu dưới tán rừng; mở rộng diện tích rừng trồng theo tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững; thành lập trung tâm nghiên cứu để hình thành thị trường tín chỉ các-bon; thực hiện có hiệu quả chính sách thuê dịch vụ môi trường rừng để phát triển kinh tế, du lịch, dịch vụ.

Xây dựng nông thôn mới theo hướng toàn diện, bền vững; phát huy vai trò chủ thể, động lực, nguồn lực của người dân, kết hợp với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp xây dựng nông thôn văn minh, bản sắc, hạ tầng đồng bộ, môi trường cảnh quan xanh, sạch, đẹp; phấn đấu thu nhập của người dân nông thôn năm 2030 tăng tối thiểu 30% so với năm 2025.

- Cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng nâng cao năng xuất, chất lượng, giá trị tăng cao gắn với bảo vệ môi trường, tiếp tục bảo đảm là trụ cột quan trọng cho phát triển

Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp mũi nhọn; hình thành một số cụm liên kết ngành công nghiệp gắn với liên kết vùng. Tập trung phát triển công nghiệp chế biến sâu khoáng sản, vật liệu, công nghiệp phụ trợ, giảm dần tỷ trọng ngành công nghiệp khai khoáng và tập trung vào chế biến sâu, làm gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp; chú trọng áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến trong sản xuất, tiết kiệm tài nguyên môi trường và năng lượng. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 phấn đấu tăng cao hơn tốc độ tăng trưởng kinh tế. Tiếp tục quy hoạch, phát triển mới các khu, cụm công nghiệp với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, hiện đại tại khu vực phía Bắc và phía Nam; đến năm 2030 toàn tỉnh có 14 khu công nghiệp hoạt động. Có cơ chế khuyến khích và thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài chuyển giao công nghệ. Ưu tiên thu hút đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo theo hướng chế biến sâu, nhất là chế biến sâu khoáng sản, gỗ, dược liệu, gắn với các ngành công nghiệp có khả năng tạo việc làm cho nhiều lao động. Quan tâm khôi phục, bảo tồn và phát triển các làng nghề truyền thống (lụa tơ tằm, chế biến thủ công, dệt thổ cẩm...) gắn với phát triển du lịch.

- Cơ cấu lại ngành dịch vụ theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của ngành dịch vụ, đưa Lào Cai trở thành trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam, Trung Quốc; đồng thời tập trung phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế đột phá, tạo ra nhiều việc làm, đóng góp lớn vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh

Phát huy tối đa lợi thế của khu kinh tế cửa khẩu, trục giao thông dọc sông Hồng. Xây dựng kinh tế cửa khẩu là ngành kinh tế mũi nhọn, đột phá của tỉnh; Khu kinh tế cửa khẩu trở thành trung tâm giao thương kinh tế của khu vực ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc, hạt nhân là Khu kinh tế tự do biên giới trên địa bàn các phường Lào Cai, Cam Đường và xã Bát Xát với chức năng đa ngành,

trung tâm thương mại, tài chính, logistics, du lịch. Hoàn thành cửa khẩu thông minh tại Cửa khẩu quốc tế Kim Thành - Bắc Sơn và Bản Vược - Bá Sái; nâng cấp các cửa khẩu phụ trở thành cửa khẩu quốc gia.

Thu hút đầu tư xây dựng các trung tâm logistics dọc trục động lực sông Hồng, phát triển đô thị, dịch vụ theo tuyến đường sắt tốc độ cao (TOD). Phát triển các loại hình dịch vụ bao gồm: dịch vụ logistics, giám định hàng hóa, bảo hiểm, ngân hàng, hỗ trợ phát triển thị trường,... Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, mở rộng, đa dạng hóa thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu bền vững các sản phẩm hàng hóa lợi thế của tỉnh; kết nối sâu rộng với thị trường Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, ASEAN. Xây dựng Lào Cai trở thành trung tâm thương mại của Vùng với chức năng là đầu mối xuất, nhập khẩu, tập kết, trung chuyển, phân phối, vận chuyển hàng hóa và dịch vụ. Phát triển các hình thức tổ chức kinh doanh theo dạng chuỗi, thương mại điện tử, chợ du lịch, chợ đêm...; khuyến khích thành lập doanh nghiệp thương mại, đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường. Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số trong hoạt động kinh doanh thương mại gắn với phát triển thương mại điện tử trong nước và quốc tế.

Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, đột phá. Xây dựng Lào Cai là điểm đến hấp dẫn, thân thiện và an toàn gắn với hình ảnh chủ đạo “Lào Cai - nơi hội tụ sắc màu Tây Bắc”, là trung tâm lưu trú và phân phối khách du lịch của Vùng. Phát triển du lịch Lào Cai xanh, bền vững với các sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, thể thao mạo hiểm và du lịch văn hóa tâm linh, du lịch cộng đồng chất lượng cao. Phát huy vai trò cầu nối, liên kết phát triển du lịch trong nước và quốc tế, thúc đẩy du lịch qua biên giới; đẩy mạnh liên kết phát triển du lịch với các vùng du lịch chủ đạo theo định hướng sản phẩm du lịch “con đường di sản Tây Bắc”. Phát triển Khu du lịch quốc gia Sa Pa mang tầm quốc tế, phấn đấu xây dựng các khu du lịch Bắc Hà, Y Tý, Hồ Thác Bà, khu du lịch danh thắng Mù Cang Chải mang tầm quốc gia; phát triển chuỗi du lịch văn hoá tâm linh; xây dựng các khu du lịch cộng đồng đạt tiêu chuẩn ASEAN.

- Cơ cấu lại đầu tư công theo hướng trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả

Cơ cấu đầu tư công theo hướng trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, xây dựng trung tâm hành chính các cấp, hạ tầng khu, cụm công nghiệp, giao thông kết nối, chuyển đổi số, giáo dục, y tế, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển kinh tế - xã hội các vùng đặc biệt khó khăn. Vận hành hiệu quả việc xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn phù hợp với kế hoạch tài chính 5 năm; tăng cường phân cấp trong quản lý đầu tư, tạo sự thông thoáng và nâng cao trách nhiệm đối với các địa phương. Đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư, đầu tư theo hình thức đối tác công tư. Tiếp tục đẩy mạnh việc tìm kiếm, huy động, lồng ghép các nguồn lực từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn ngoài ngân sách, đặc biệt là nguồn vốn của doanh nghiệp và trong Nhân dân để phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội. Phấn đấu tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 đạt trên 500.000 tỷ đồng.

- Cơ cấu lại ngân sách nhà nước và các tổ chức tài chính tín dụng chất lượng, hiệu quả.

Quản lý, mở rộng và nuôi dưỡng nguồn thu bền vững, phù hợp với tăng trưởng kinh tế và khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh; hoàn thiện cơ chế phân cấp nguồn thu, tỉ lệ điều tiết các nguồn thu giữa các cấp ngân sách hợp lý, nâng cao trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong quản lý ngân sách. Cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển, giảm chi thường xuyên. Đẩy mạnh việc đổi mới cơ chế tài chính theo hướng khoán quỹ lương gắn với tinh giản biên chế; mở rộng cơ chế khoán kinh phí gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ; tăng cường tự chủ tài chính đối với sự nghiệp công lập; đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh. Phấn đấu đến năm 2030 thu ngân sách nhà nước trên địa bàn trên 32.000 tỷ đồng.

Sử dụng hiệu quả các quỹ tài chính nhà nước. Quản lý và kiểm soát chặt chẽ các hình thức thanh toán trực tuyến qua biên giới, các hoạt động tín dụng; nâng cao năng lực cạnh tranh, đáp ứng chuẩn mực quốc tế của hệ thống các tổ chức tín dụng trên địa bàn. Phát triển toàn diện mạng lưới ngân hàng, giai đoạn 2026-2030 tăng trưởng tín dụng khoảng 9-10%; tỷ lệ nợ xấu dưới 3% so với tổng dư nợ.

2. Thực hiện 3 lĩnh vực đột phá của tỉnh và các nhiệm vụ trọng tâm

2.1. Thực hiện 03 lĩnh vực đột phá

a) Xây dựng đồng bộ và tổ chức hiệu quả cơ chế, chính sách, phát huy hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững.

Rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể, động lực và nguồn lực cho phát triển. Nghiên cứu, tổ chức bộ máy xúc tiến đầu tư đồng bộ, chuyên nghiệp, có cơ chế ưu tiên về thủ tục hành chính, tạo mặt bằng theo hướng chủ đạo và chuyên trách ở cấp tỉnh, đồng thời chủ động vào cuộc từ cấp xã nhằm thu hút đầu tư phát triển cả bốn trụ cột kinh tế. Mục tiêu là thu hút các nhà đầu tư lớn, tạo đột phá cho tăng trưởng kinh tế; đồng thời đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp tư nhân theo Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị, tập trung vào các lĩnh vực sản xuất, chế biến, chế tạo, thương mại, dịch vụ nhằm tạo giá trị gia tăng cao.

Thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách bảo đảm công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, có hiệu lực và hiệu quả. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, ủy quyền; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch và ổn định; cắt giảm triệt để các điều kiện và thủ tục đầu tư, sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các thủ tục hành chính liên quan đến tiếp cận nguồn lực, thị trường và cơ hội kinh doanh.

Đồng thời, tăng cường ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước và cải cách thủ tục hành chính, xây dựng hệ thống thông tin minh bạch, hiện đại để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công nhanh chóng, thuận tiện. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, đặc biệt là lực lượng chuyên trách xúc tiến đầu tư, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho nhà đầu tư.

Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp hiệu quả giữa các sở, ngành và địa phương để giải quyết nhanh chóng các khó khăn, vướng mắc trong quá trình đầu tư và sản xuất kinh doanh. Khuyến khích đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ trong phát triển doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp tư nhân, tạo môi trường thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ.

b) Phát triển nguồn nhân lực

Tiếp tục đẩy mạnh đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao có cơ cấu hợp lý, có kỹ năng nghề nghiệp, có trình độ về công tác phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đổi mới phương thức và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn, nguồn nhân lực cho phát triển kinh tế - xã hội ở các địa bàn khó khăn của tỉnh. Phát triển giáo dục nghề nghiệp và nhân lực có kỹ năng nghề, gắn với nhu cầu xã hội, bảo đảm đủ về số lượng, chất lượng, hợp lý về cơ cấu, phù hợp với nhu cầu sử dụng, góp phần nâng cao năng suất lao động, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Đến năm 2030, nâng cấp Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai trở thành trường Đại học Lào Cai; Trường Cao đẳng Lào Cai, Trường Cao đẳng nghề Yên Bái trở thành cơ sở đào tạo nghề hiện đại hàng đầu khu vực miền núi phía Bắc. Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%; tỷ lệ lao động được đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%.

Tiếp tục thực hiện quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số (DTTS) đồng bộ, hiệu quả. rà soát, xây dựng và ban hành các chính sách của tỉnh về ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực là người DTTS. Thực hiện tốt công tác đào tạo theo chế độ cử tuyển, nhất là đối với các dân tộc rất ít người. Đồng thời, có giải pháp phù hợp để bảo đảm tỷ lệ hợp lý cán bộ là người DTTS trong các cơ quan, đơn vị, địa phương, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và thúc đẩy bình đẳng giữa các dân tộc.

c) Phát triển kết cấu hạ tầng: Tiếp tục tạo đột phá trong phát triển hạ tầng giao thông, đáp ứng yêu cầu phát triển vận tải đa phương thức, bền vững và hội nhập quốc tế. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư, trước hết là đầu tư công; thu hút tối đa nguồn lực xã hội đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ và hiện đại, có tính liên kết cao; trọng tâm là hạ tầng giao thông (giao thông liên kết nội vùng, liên kết với vùng đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội), thủy lợi; hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; hạ tầng số (hạ tầng viễn thông, công nghệ thông tin), chuyên đổi số; hạ tầng liên kết nông thôn với đô thị, liên kết nông nghiệp với công nghiệp, dịch vụ, liên kết vùng, đáp ứng yêu cầu phát triển; sử dụng hiệu quả, bền vững tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản,...

Tập trung hoàn thành các công trình trọng điểm: Cảng hàng không Sa Pa với công suất 3,0 triệu hành khách/năm, nâng cấp thành cảng hàng không quốc tế; Các tuyến theo trục kinh tế động lực dọc sông Hồng gồm: Đường sắt khổ tiêu chuẩn

Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng- Quảng Ninh và đoạn đường sắt kết nối giữa ga Lào Cai với ga Hà Khẩu Bắc (Trung Quốc), Đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai theo quy mô 04 làn xe, cải tạo các nút giao IC16, IC17 tạo kết nối hiệu quả với hệ thống đường địa phương, Đường trục kết nối từ thành phố Lào Cai với cảng hàng không Sa Pa đến Yên Bái, cầu Phú Thành kết nối với cảng hàng không Sa Pa, cầu Bảo Hà 2 và đường kết nối đến QL.279 để giảm áp lực giao thông khu vực trung tâm đô thị Bảo Hà, Cầu Kim Sơn kết nối Sân bay Sa Pa với khu công nghiệp Kim Sơn; Cầu đường bộ biên giới tại xã Bản Vược; Hoàn thiện giao thông nội thị và đối ngoại tại Khu du lịch quốc gia Sa Pa, xây dựng các tuyến đường kết nối đến khu kinh tế cửa khẩu và các khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thu hút đầu tư hệ thống bến xe khách, cảng cạn theo quy hoạch được phê duyệt...; nghiên cứu xây dựng và phát triển hệ thống đô thị, khu công nghiệp, các trung tâm thương mại, du lịch gắn với Cảng hàng không Sa Pa, ga đầu mối phường Lào Cai, phường Yên Bái và hệ thống đường sắt liên vận quốc tế tốc độ cao trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) xây dựng và vận hành hiệu quả cửa khẩu thông minh tại cặp cửa khẩu quốc tế Lào Cai - Hà Khẩu.

2.2. Nhiệm vụ trọng tâm

(1) Tập trung ưu tiên phát triển kinh tế trong đó trọng tâm là xây dựng Lào Cai trở thành cực tăng trưởng, trung tâm kết nối giao thương kinh tế giữa Việt Nam và các nước ASEAN với vùng Tây Nam - Trung Quốc với mục tiêu là nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, giá trị gia tăng; hình thành *Một trục động lực*; khai thác hiệu quả *Hai cực phát triển*; tạo động lực mới, cân đối, bổ trợ, hài hòa *Ba vùng kinh tế*; tập trung tái cơ cấu nội ngành theo hướng gia tăng giá trị, phát triển bền vững *Bốn trụ cột phát triển*.

Phát huy vai trò cầu nối của Lào Cai trong liên kết các tỉnh trong khu vực, trong hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, khai thác lợi thế, phát triển vùng kinh tế động lực: Khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, khu du lịch, khu đô thị. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động trong từng ngành, lĩnh vực. Tận dụng có hiệu quả các cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược. Xây dựng mô hình tăng trưởng theo hướng tiếp cận nền kinh tế số, phát triển dựa trên tiến bộ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng cao.

Tăng cường khai thác và nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực. Đa dạng hóa các hình thức đầu tư và phương thức huy động nguồn lực, tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư, nhất là thu hút nhà đầu tư chiến lược.

Tăng nhanh tiến độ phát triển công nghiệp; thúc đẩy kinh tế cửa khẩu, phát triển hệ thống thương mại; đầu tư, xây dựng phát triển các khu du lịch với các sản phẩm du lịch bản sắc; phát triển nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ưu tiên đầu tư cho nông thôn, tập trung hoàn thiện hạ tầng thiết yếu cho các xã khó khăn.

(2) Tập trung nguồn lực thực hiện mục tiêu giảm nghèo, bảo đảm tiến bộ, công bằng, an sinh, phúc lợi xã hội, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc

thiếu số, vùng biên giới trên cơ sở các trụ cột: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch, thông tin, việc làm và thu nhập hướng đến mục tiêu phát triển “xanh, hài hoà, bản sắc, hạnh phúc”.

(3) Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, con người Lào Cai đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững, khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng vươn lên. Nâng cao dân trí, chăm lo xây dựng và phát triển văn hóa, con người Lào Cai với các đặc tính cơ bản của con người Việt Nam, mang đặc trưng của miền đất biên cương của Tổ quốc “Đoàn kết - Yêu nước - Kỷ cương - Văn minh - Hiếu khách”.

(4) Xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, gắn với xây dựng thế trận lòng dân, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, tạo ổn định để phát triển, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Tăng cường đối ngoại, xây dựng đường biên giới hòa bình, hợp tác, hữu nghị và phát triển.

3. Tăng cường huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư của nền kinh tế; phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân

Nâng cao chất lượng công tác quy hoạch. Triển khai thực hiện Quy hoạch tỉnh Lào Cai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; các nội dung tích hợp vào quy hoạch tỉnh; công bố công khai, rộng rãi trên Cổng thông tin điện tử và các điểm quy hoạch, để thu hút đầu tư của các doanh nghiệp, các nhà đầu tư và các tổ chức phi chính phủ.

Đồng thời tập trung thực hiện 17 Đề án trọng tâm của Tỉnh ủy Lào Cai, nhằm khơi thông nguồn lực, khai thác các tiềm năng lợi thế của tỉnh như: Khoáng sản, du lịch, cửa khẩu, nông nghiệp công nghệ cao...

Tăng cường huy động các nguồn vốn cho đầu tư phát triển, đặc biệt là các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước: Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn nhà nước đã huy động được; lồng ghép các nguồn vốn linh hoạt để thực hiện dự án đúng quy định và hiệu quả. Chủ động, tích cực vận động vốn ODA để xây dựng hạ tầng đô thị, giảm nghèo, nông thôn mới, xử lý ô nhiễm môi trường. Thực hiện các giải pháp để tăng nguồn thu NSNN trên địa bàn (chủ yếu tăng thu nội địa); đẩy mạnh các giải pháp tăng nguồn thu từ đất, cửa khẩu, du lịch, chống thất thu ngân sách, đặc biệt ở khu vực ngoài quốc doanh... Mở rộng tối đa phạm vi và cơ hội cho đầu tư tư nhân; khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư tư nhân tham gia đầu tư phát triển hạ tầng, phát triển các ngành, các sản phẩm có lợi thế, có tiềm năng phát triển. Tạo thuận lợi để cho các tập đoàn, nhà đầu tư thực hiện các dự án lớn trên địa bàn. Tích cực tạo quỹ đất “sạch” phục vụ cho các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị, giao thông, khu công nghiệp, khu thương mại dịch vụ, khu du lịch... Tăng cường công tác giới thiệu, quảng bá, xúc tiến đầu tư. Tiếp tục thu hút các nguồn vốn viện trợ từ các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ. Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo môi trường đầu tư năng động, thông thoáng, công khai, minh bạch. Tăng cường đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao cho các dự án đầu tư quy mô lớn. Tăng cường các

biện pháp để thu hút vốn FDI, tích cực mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác nước ngoài làm nền tảng thu hút đầu tư.

Nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư, khuyến khích khởi nghiệp; tạo điều kiện phát triển đồng bộ, chất lượng các thành phần kinh tế; đưa kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Triển khai hiệu quả chiến lược thu hút đầu tư với phương châm “doanh nghiệp phát tài, Lào Cai phát triển” và tinh thần “Lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ”. Tập trung thu hút, ưu tiên các nhà đầu tư trong và ngoài nước có tiềm lực về vốn, quản trị tiên tiến, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện với môi trường, có giá trị gia tăng cao, tạo ra nhiều việc làm, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, tạo sức lan tỏa và khả năng dẫn dắt phát triển nhanh các ngành, lĩnh vực, các khu vực kinh tế trọng điểm, động lực theo định hướng, quy hoạch của tỉnh. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực ngoài ngân sách, thu hút đầu tư tư nhân vào các lĩnh vực kết cấu hạ tầng thiết yếu theo hình thức đối tác công - tư (PPP).

Thực hiện đồng bộ các giải pháp, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng để phát triển nhanh, chất lượng các thành phần kinh tế, nhất là kinh tế tư nhân. Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập lại mô hình tăng trưởng mới lấy ứng dụng khoa học công nghệ làm động lực chính. Chú trọng phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác; chuyển đổi hợp tác xã sang doanh nghiệp; chuyển đổi hộ kinh doanh sang doanh nghiệp, huy động nguồn lực trong nhân dân tham gia đầu tư, sản xuất, kinh doanh; củng cố hợp tác xã, tổ chức lại sản xuất, kinh doanh ở khu vực nông thôn. Có chính sách đặc thù, nổi trội hỗ trợ, tạo điều kiện để hộ kinh doanh, hợp tác xã, doanh nghiệp vừa và nhỏ tiếp cận nguồn vốn ưu đãi, đất đai, công nghệ, kỹ thuật, kết nối, hợp tác theo chuỗi giá trị phù hợp với xu thế phát triển, góp phần gia tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị.

Hỗ trợ phát triển HTX gắn với Chương trình quốc gia về xây dựng nông thôn mới và tái cơ cấu ngành nông nghiệp; ưu tiên xã phấn đấu hoàn thành nông thôn mới theo lộ trình. Tập trung hỗ trợ đầu tư cho các HTX hoạt động theo cụm liên kết ngành, tạo chuỗi giá trị bền vững cho các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương.

4. Đổi mới căn bản, toàn diện, hiệu quả giáo dục đào tạo thực chất; phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh phát triển và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ gắn với đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số

Đổi mới căn bản, toàn diện, thực chất giáo dục và đào tạo. Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp dạy - học theo hướng tích hợp, mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại kết hợp với trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật, tăng cường hoạt động thể dục, thể thao nhằm phát triển toàn diện năng lực, thể lực và phẩm chất người học; từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học ở khu vực đô thị, tiếng Trung được giảng dạy trong trường học tại các xã, phường biên giới. Ưu tiên

nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho giáo dục, cơ bản kiên cố hóa xong mạng lưới trường, lớp học, nhất là trường nội trú, bán trú cho con em các dân tộc thiểu số ở các cấp học, xây dựng và hoàn thành 100% trường nội trú liên cấp các xã biên giới, xây dựng nhà công vụ, tạo điều kiện cho giáo viên ở xa đến công tác. Hoàn thành chuyển đổi số toàn diện ngành giáo dục. Xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo đáp ứng yêu cầu mới; giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu giáo viên, nhất ở vùng đặc biệt khó khăn. Nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục các bậc học; thực hiện phổ cập giáo dục mẫu giáo trẻ 3 tuổi, giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; thực hiện học 2 buổi/ngày. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục, công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập suốt đời; có ít nhất 01 cơ sở giáo dục chuyên biệt tới cấp trung học phổ thông; xây dựng và hình thành các trường trọng điểm chất lượng. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của các thiết chế giáo dục cơ sở, các trung tâm học tập cộng đồng; hỗ trợ người yếu thế có điều kiện để học tập suốt đời. Phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo từ quản lý đến giảng dạy và học tập. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục và đào tạo.

Triển khai cụ thể, thiết thực chiến lược phát triển nguồn nhân lực. Gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động và sự tham gia của doanh nghiệp. Đến năm 2030 phấn đấu 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ với mức độ tự bảo đảm 100% chi thường xuyên. Mở rộng ngành, nghề đào tạo, đặc biệt là các ngành nghề mới nổi như: sản xuất chip bán dẫn, hydrogen, tín chỉ carbon để cung cấp nguồn nhân lực lao động trong và ngoài tỉnh. Đẩy mạnh thực hiện chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp; tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh, thiếu niên ngay từ bậc học phổ thông. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động, xây dựng và thực thi cơ chế hợp tác giữa nhà nước, nhà trường, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp. Đến năm 2030, nâng cấp Phân hiệu Đại học Thái Nguyên tại Lào Cai trở thành trường Đại học Lào Cai; Trường Cao đẳng Lào Cai, Trường Cao đẳng nghề Yên Bái trở thành cơ sở đào tạo nghề hiện đại hàng đầu khu vực miền núi phía Bắc. Phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%; tỷ lệ lao động được đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 36%.

Tăng cường đổi mới sáng tạo đưa khoa học công nghệ trở thành động lực quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới, hoàn thiện chính sách nhằm tháo gỡ các điểm nghẽn để khuyến khích phát triển các hoạt động khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết (*nông nghiệp công nghệ cao, chế biến nông sản, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục, du lịch, thương mại...*). Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, vườn ươm khởi nghiệp, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp; có cơ chế thúc đẩy mạnh mẽ doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, xây dựng phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu - phát triển, chuyên gia; kết nối chặt chẽ cơ sở nghiên cứu với cơ sở đào tạo và doanh nghiệp; ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống, thúc đẩy liên kết vùng. Phát triển tiềm lực, đột phá hạ tầng khoa học công nghệ; hạ tầng số. Phát triển

ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành, xây dựng chính quyền điện tử, đô thị thông minh. Đẩy mạnh chuyển đổi số, xây dựng Chính quyền số, nền kinh tế số, kinh tế xanh và xã hội số gắn với thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hệ sinh thái khởi nghiệp. Đến năm 2030 cơ bản hoàn thành chuyển đổi số các cơ quan trong hệ thống chính trị bảo đảm thống nhất, kết nối liên thông, đồng bộ. Nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp; công nghệ thông tin điện tử, công dữ liệu mở, các kênh tương tác trực tuyến, cung cấp dữ liệu phục vụ xã hội, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, các đối tượng yếu thế trong xã hội. Phát triển đô thị thông minh gắn với chuyển đổi số, tập trung vào các dịch vụ, lĩnh vực giải quyết các vấn đề bức thiết, nhu cầu thiết yếu của xã hội. Nâng cao an toàn thông tin, an ninh mạng. Phát triển nguồn nhân lực số, duy trì chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực số; đào tạo, chuẩn hóa kỹ năng số, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số.

5. Quản lý phát triển văn hóa, xã hội theo hướng bền vững gắn với phát huy giá trị và sức mạnh văn hóa, con người Lào Cai; thực hiện tiến bộ, công bằng, bảo đảm an sinh, phúc lợi xã hội; nâng cao đời sống vật chất, sức khỏe, tinh thần của Nhân dân

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện, quản lý và sử dụng hiệu quả thiết chế văn hóa, thể thao từ tỉnh đến cơ sở. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh. Xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, tiến tới thực hiện đánh giá chỉ số hạnh phúc cho người dân. Đầu tư bảo tồn, tôn tạo, phát huy giá trị bản sắc văn hóa các dân tộc; gắn phát triển văn hóa với phát triển du lịch.

Chú trọng phát hiện, tuyển chọn, đào tạo tài năng trên các lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, thể dục, thể thao. Khuyến khích sáng tạo, sáng tác văn học nghệ thuật. Phát triển hệ thống báo chí chuyên nghiệp, hiện đại; phát triển mạnh thông tin, truyền thông phù hợp với xu hướng hội tụ công nghệ đa phương tiện, đa nền tảng. Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về hoạt động báo chí. Nâng cao chất lượng phủ sóng, mở rộng các dịch vụ thông tin, truyền thông. Xây dựng các công trình văn hóa, thể thao mang tính biểu tượng của Lào Cai, đủ điều kiện tổ chức các sự kiện quy mô quốc gia và quốc tế. Nâng cao hiệu quả, công năng sử dụng các thiết chế văn hóa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của các tầng lớp Nhân dân. Đầu tư xây dựng Trung tâm huấn luyện thể thao quốc gia Sa Pa.

Triển khai đồng bộ các chương trình, giải pháp giảm nghèo, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững, ưu tiên giảm nghèo về thu nhập và ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; phân đấu tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030) duy trì mức giảm 2,5-3 điểm %/năm; riêng năm 2026 giảm 1,5 điểm% (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025). Xây dựng hệ thống an sinh xã hội, bảo hiểm xã hội đa tầng, toàn diện, hiện đại, thích ứng linh hoạt.

Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; phân đấu bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân. Trợ giúp và cứu trợ xã hội kịp thời; đa dạng hoạt động công tác xã hội, giáo dục cộng đồng; chăm lo đời sống

vật chất và tinh thần của người có công và gia đình người có công; làm tốt công tác tôn giáo, dân tộc, quyền phụ nữ và trẻ em.

Triển khai hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các đơn vị y tế, nhất là hệ thống y tế cơ sở, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế, chú trọng đào tạo bác sĩ có trình độ chuyên môn cao, tăng cường bác sĩ về cơ sở, đến năm 2027 có tối thiểu 4-5 bác sĩ/trạm y tế, duy trì đội ngũ nhân viên y tế thôn, cô đỡ thôn bản, cộng tác viên dân số theo chức năng, nhiệm vụ. Thực hiện luân phiên, luân chuyển, điều động bác sĩ về làm việc tại trạm y tế cấp xã. Phát triển cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Có ít nhất 01 bệnh viện đạt cấp chuyên sâu; có bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa có chuyên khoa lão khoa. Từ năm 2026, người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí ít nhất mỗi năm 01 lần, được lập sổ sức khỏe điện tử để quản lý sức khỏe theo vòng đời. Đến năm 2030, người dân được miễn viện phí ở mức cơ bản trong phạm vi quyền lợi bảo hiểm y tế theo lộ trình. Hoàn thành chuyển đổi số toàn diện ngành Y tế. Làm tốt công tác y tế dự phòng, kịp thời xử lý các tình huống dịch bệnh. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, nhất là ở vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Nâng cao chất lượng dân số và tuổi thọ trung bình của người dân, thực hiện mục tiêu dân số và phát triển, phấn đấu chỉ số HDI tiệm cận với mức trung bình chung toàn quốc, góp phần nâng cao chỉ số hạnh phúc của người dân trên địa bàn toàn tỉnh.

6. Tăng cường quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường; chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

Nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên khoáng sản; năng lực giám sát, kiểm soát ô nhiễm môi trường; năng lực dự báo, cảnh báo và ứng phó với thiên tai, xây dựng bản đồ sạt lở, ngập lụt.

Hoàn chỉnh hệ thống cơ sở dữ liệu về tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước của tỉnh. Khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên nước, khoáng sản, nâng cao giá trị, hiệu quả khai thác, chế biến sâu khoáng sản; thực hiện cấp giấy phép khai thác thông qua hình thức đấu giá quyền khai thác khoáng sản. Nâng cao hiệu lực công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản và công nghiệp khai khoáng; tăng cường kiểm soát các hoạt động khai thác tài nguyên, các doanh nghiệp kinh doanh dựa nhiều vào tài nguyên, kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm.

Tập trung xử lý môi trường khu công nghiệp; đẩy mạnh phong trào vệ sinh môi trường nông thôn, xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển dịch vụ bảo vệ môi trường và tái chế chất thải. Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản, sử dụng đất rừng. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; phát triển thị trường tín chỉ Các bon.

Triển khai đồng bộ các giải pháp để chủ động phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là những vùng có nguy cơ sạt lở, ngập lụt,

lũ quét,... gắn với công tác sắp xếp và ổn định dân cư. Nâng cấp hệ thống dự báo, hệ thống cảnh báo sớm, đánh giá rủi ro và lập bản đồ các mối nguy hiểm. Đầu tư, ứng dụng các thiết bị và công nghệ hiện đại để dự báo tốt hơn các điều kiện thời tiết.

Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu thông qua việc tiếp tục đầu tư kè sông suối chống sạt lở đất; bảo đảm an toàn hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện, an ninh nguồn nước; tập trung trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng; tích cực hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

7. Hoàn thiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; củng cố, xây dựng chính quyền các cấp liên chính, hành động, vững mạnh; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động tư pháp

Tiếp tục hoàn thiện tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, gắn với đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, bảo đảm chính quyền thực sự gần dân, sát dân, phục vụ nhân dân tốt hơn. Nâng cao hiệu quả quản lý, cung cấp dịch vụ công sau sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức lại bộ máy chính quyền địa phương. Khai thác hiệu quả không gian phát triển mới của tỉnh; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm thực hiện đúng các mục tiêu đã đề ra. Quản lý hiệu quả công sản, bảo đảm cân đối ngân sách, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, đúng quy định chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bị ảnh hưởng bởi quá trình sắp xếp.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh, Hội đồng nhân dân, làm tốt vai trò cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương. Chú trọng về chất lượng hoạt động, năng lực, kỹ năng hoạt động và thực hiện chức trách, nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, phát huy tốt vai trò tham gia hoạch định các cơ chế, chính sách, quyết định có hiệu quả các vấn đề quan trọng của địa phương, của đất nước. Tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện lĩnh vực đột phá, chương trình, đề án và chỉ thị, nghị quyết của Đảng.

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, xây dựng chính quyền liên chính, hành động. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền với phương châm “Địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm, địa phương hưởng”.

Tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tiếp tục thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan nhà nước tinh gọn, bảo đảm chính quyền các cấp hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cơ chế tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập. Chú trọng xây dựng chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Quy định rõ trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực thi nhiệm vụ, công vụ. Hiện đại hóa hành chính đáp ứng yêu cầu quản lý của nhà nước và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đẩy mạnh công tác cải cách tư pháp; nâng cao chất lượng giải quyết khiếu nại, tố cáo. Triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp; tiếp tục thực hiện nhiệm vụ cải cách tư pháp. Nâng cao chất

lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, công tác giám định, định giá tài sản trong tố tụng hình sự. Tăng cường bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ, công chức ngành tư pháp liên chính, trong sạch, phụng công, thủ pháp, chí công vô tư; phát triển đội ngũ luật sư, công chứng viên, trợ giúp viên pháp lý, thừa phát lại có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp. Tổ chức đối thoại và tái đối thoại ngay từ cơ sở; thực hiện tốt việc rà soát, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo đông người, phức tạp, kéo dài.

8. Phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí

Kiên quyết đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí: Quán triệt, nâng cao nhận thức trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí của các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Công khai minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị để chủ động phòng ngừa tham nhũng, lãng phí. Nêu cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, người đứng đầu; phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và Nhân dân trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, điều tra truy tố, xét xử, thi hành án, phát hiện sớm, xử lý nghiêm các vụ việc, vụ án tham nhũng, lãng phí. Phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, đại biểu dân cử, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Nhân dân và cơ quan truyền thông, báo chí trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí để nâng cao hiệu quả phát hiện và xử lý tham nhũng, lãng phí.

Bảo đảm nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, mọi hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm phải được phát hiện, xử lý kịp thời, chính xác, nghiêm minh, không để lọt tội phạm, không để xảy ra oan, sai, không có vùng cấm. Xử lý nghiêm những cán bộ, đảng viên vi phạm pháp luật, bất kể là ai, ở vị trí công tác nào, đã nghỉ hưu hay còn đương nhiệm.

9. Tăng cường quốc phòng; bảo vệ an ninh, biên giới quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế

Triển khai thực hiện toàn diện, đồng bộ, hiệu quả đường lối lãnh đạo của Đảng về công tác quốc phòng, trọng tâm là Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược Quốc phòng, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược bảo vệ biên giới quốc gia.... Xây dựng, triển khai có hiệu quả Đề án nâng cao tiềm lực khu vực phòng thủ tỉnh. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, xây dựng tỉnh Lào Cai thành khu vực phòng thủ vững chắc; làm tốt công tác quản lý biên giới, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia; xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận biên phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân và “thế trận lòng dân” vững chắc. Phấn đấu đến năm 2030, xây dựng lực lượng vũ trang tinh cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, làm nòng cốt trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng dự bị động viên hùng hậu, dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; xây dựng lực lượng bảo vệ biên giới quốc gia đồng bộ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Chủ động phát hiện, phòng ngừa và đấu tranh hiệu quả với âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; kiềm chế sự gia tăng của tội phạm, tệ nạn xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án 06/CP; tập trung giảm tai nạn giao thông; không để xảy ra cháy nổ, tai nạn giao thông gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng. Chú trọng xây dựng, củng cố các phương án, kế hoạch bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trên các lĩnh vực, tuyến, địa bàn trọng điểm; đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện văn hóa, chính trị; các đoàn khách trong nước, quốc tế, hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước tại địa phương.

Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ; an ninh kinh tế, văn hóa tư tưởng, thông tin, an ninh mạng trước sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, công nghệ.

Xác định đối ngoại, hội nhập quốc tế là một nhiệm vụ cơ bản, một động lực quan trọng để phát triển nhanh và bền vững. Phát huy mạnh mẽ vai trò tiên phong của đối ngoại trong việc tạo lập môi trường hòa bình, ổn định, huy động các nguồn lực bên ngoài để phát triển địa phương. Kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao chính quyền và đối ngoại nhân dân; giữa quan hệ hợp tác song phương và đa phương. Củng cố và làm sâu sắc hơn mối quan hệ hợp tác với các đối tác truyền thống, đồng thời thúc đẩy thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác mới nhằm thu hút đầu tư, du lịch, mở rộng thị trường xuất khẩu hàng hóa, đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, tiếp nhận chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý từ các đối tác nước ngoài.

Phần thứ ba **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Căn cứ Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 tỉnh Lào Cai được duyệt, UBND tỉnh ban hành chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 tỉnh Lào Cai.

2. Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030; các đề án, nghị quyết, kế hoạch chuyên đề giai đoạn 2026-2030; Kế hoạch và Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026-2030 tỉnh Lào Cai, các cấp, các ngành, xã, phường, doanh nghiệp trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện. Các sở, ngành chủ động đề xuất các cơ chế, chính sách để thực hiện kế hoạch, chương trình hành động đạt kết quả cao. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình hành động, đề án tạo sự chuyển biến thực sự, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025-2030./.